

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

GELEX

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2010 và điều chỉnh lần thứ 7 ngày 23/08/2017

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số .498.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28... tháng ...12... năm 2017)

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Bản cáo bạch này được cung cấp tại website:

Tổng Công Ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Số 52, phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Website : www.gelex.vn

Chi nhánh Công Ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39366321

Fax: (84-24) 39366311

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Tuấn Anh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2010 và điều chỉnh lần thứ 7 ngày 23/08/2017

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán:	GEX
Tổng số lượng niêm yết:	266.800.000 cổ phiếu <i>(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)</i>
Tổng giá trị niêm yết:	2.668.000.000.000 VND (tính theo mệnh giá cổ phiếu) <i>(Bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng)</i>

TÓ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 39366321 Fax: (84-24) 39366311
Website: www.ssi.com.vn

TÓ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3824 1990 Fax: (84-24) 3825 3973
Website: www.aasc.com.vn

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3831 500 Fax: (84-24) 3831 5090
Website: www.ey.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù ngành	9
4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	10
5. Các rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	12
1. Tổ chức niêm yết – Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX)	12
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI).....	12
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
2. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty	20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	21
4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ;.....	23
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	24
6. Hoạt động kinh doanh	28
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	60
8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	63
9. Chính sách đối với người lao động	72
10. Chính sách cổ tức	73
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	75
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	91
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	106
14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	108
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	112
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	113
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	113
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	114

1. Loại chứng khoán.....	114
2. Mệnh giá chứng khoán.....	114
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	114
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.....	114
5. Phương pháp tính giá.....	115
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	116
7. Các loại thuế có liên quan.....	117
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	120
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN.....	121
VIII. PHỤ LỤC.....	124

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/12/2017	24
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty	24
Bảng 3: Danh sách công ty con của GELEX	25
Bảng 4: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của GELEX.....	27
Bảng 5: Các sản phẩm dây cáp điện của CADIVI	29
Bảng 6: Các sản phẩm máy biến áp của THIBIDI	31
Bảng 7: Một số sản phẩm của HEM	32
Bảng 8: Một số sản phẩm nổi bật của GELEX EMIC	33
Bảng 9: Một số kho chính của Hệ thống SOTRANS	35
Bảng 10: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam giai đoạn 2015-2018	40
Bảng 11: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết bị điện giai đoạn 2015-2018.....	40
Bảng 12: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội giai đoạn 2015-2018.....	40
Bảng 13: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari giai đoạn 2015-2018	41
Bảng 14: Kết quả kinh doanh của ngành hàng Thiết bị đo điện giai đoạn 2015-2018	41
Bảng 15: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần kho vận Miền Nam giai đoạn 2015-2018	41
Bảng 16: Kết quả kinh doanh của Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam.....	42
Bảng 17: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần cảng Miền Nam giai đoạn 2015-2018	42
Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức	43
Bảng 19: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017	43
Bảng 20: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017	44
Bảng 21: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017	46
Bảng 22: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017..	46
Bảng 23: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2015, 2016, và 9 tháng đầu năm 2017	49
Bảng 24: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017	49
Bảng 25: Công nghệ sản xuất của THIBIDI.....	51
Bảng 26: Danh sách các hợp đồng lớn đầu ra đã được ký kết.....	58
Bảng 27: Danh sách các hợp đồng lớn đầu vào đã được ký kết	59
Bảng 28: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ	60
Bảng 29: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty hợp nhất.....	61
Bảng 30: So sánh kết quả kinh doanh của CADIVI với các công ty trong ngành hàng dây cáp điện năm 2016	69
Bảng 31: So sánh kết quả kinh doanh của THIBIDI với các công ty trong cùng ngành hàng máy biến áp năm 2016	69
Bảng 32: So sánh kết quả kinh doanh của STG với các công ty trong cùng lĩnh vực logistic năm 2016	70
Bảng 33: So sánh kết quả kinh doanh của GELEX với các công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn năm 2016	70

Bảng 34: Tình hình lao động trong Tổng Công ty và một số đơn vị thành viên tại thời điểm 30/09/2017 ...	72
Bảng 35: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm bằng tiền hoặc cổ phiếu.....	74
Bảng 36: Thời gian khấu hao tài sản cố định	75
Bảng 37: Mức lương bình quân.....	75
Bảng 38: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ	76
Bảng 39: Số dư các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất).....	76
Bảng 40: Số dư các quỹ công ty mẹ.....	77
Bảng 41: Số dư các quỹ tại các thời điểm (hợp nhất).....	77
Bảng 42: Số dư các khoản vay của Công ty mẹ	77
Bảng 43: Số dư các khoản vay hợp nhất	78
Bảng 44: Số dư các khoản phải thu công ty mẹ.....	79
Bảng 45: Số dư các khoản phải thu hợp nhất.....	79
Bảng 46: Số dư các khoản phải trả công ty mẹ.....	80
Bảng 47: Số dư các khoản phải trả hợp nhất.....	81
Bảng 48: Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện công ty mẹ.....	83
Bảng 49: Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện hợp nhất	83
Bảng 50: Chi tiết số dư hàng tồn kho công ty mẹ.....	84
Bảng 51: Chi tiết số dư hàng tồn kho hợp nhất.....	84
Bảng 52: Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang công ty mẹ	85
Bảng 53: Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất	86
Bảng 54: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	88
Bảng 55: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty hợp nhất	90
Bảng 56: Tình hình tài sản công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2016.....	106
Bảng 57: Nhà cửa, vật kiến trúc trên BCTC công ty mẹ thời điểm 31/12/2016	106
Bảng 58: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2016	106
Bảng 59: Một số Nhà cửa, vật kiến trúc Trên BCTC hợp nhất 31/12/2016.....	107
Bảng 60: Tình hình tài sản công ty mẹ tính đến thời điểm 30/09/2017.....	107
Bảng 61: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 30/09/2017	108
Bảng 62: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017 – 2018 công ty mẹ.....	108
Bảng 63: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017 – 2018 hợp nhất.....	109
Bảng 64: Danh sách hạn chế chuyển nhượng 06 tháng và 01 năm kể ngày niêm yết.....	114
Bảng 65: Hạn chế chuyển nhượng khác	115
Bảng 66: Giá trị sổ sách của GEX.....	115
Bảng 67: Phương pháp định giá P/E.....	116

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2016	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2016.....	8
Hình 3: Lạm phát và lãi suất cho vay ngắn hạn.....	8
Hình 4: Sơ đồ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Một số đơn vị trong cơ cấu ngành hàng chính của GELEX)	20
Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	21
Hình 6: Một số hình ảnh về dự án thủy điện Sông Bung 4A	34
Hình 7: Vị trí các kho bãi của Hệ thống SOTRANS.....	36
Hình 8: Tòa nhà 52 Lê Đại Hành	37
Hình 9: Khách sạn Melia Hà Nội.....	38
Hình 10: Dự án số 10 Trần Nguyễn Hãn	39
Hình 11: Cơ cấu Doanh thu thuần theo ngành hàng 9 tháng đầu năm 2017.....	44
Hình 12: Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo ngành hàng 9 tháng đầu năm 2017	47

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam bao gồm 10 Công ty con và 1 công ty liên kết, hoạt động trong các lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp - Đầu tư hạ tầng năng lượng, tiện ích - Logistics - Kinh doanh bất động sản – và Đầu tư. Do đó, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau:

1. Rủi ro về kinh tế

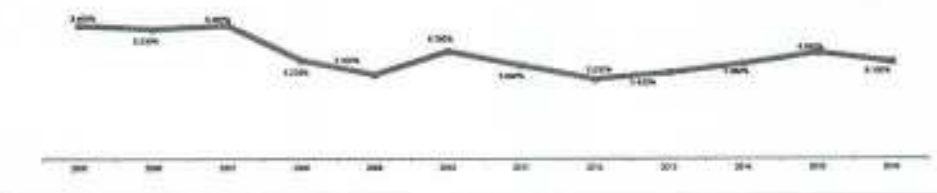
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2016, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định v.v đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô năm 2016 có bước chuyển biến so với các năm trước. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế trong năm 2015-2016, dù chỉ mới là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và GELEX nói riêng.

- **Tăng trưởng GDP:** Đây là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn ngành kinh doanh bất động sản. Trong những năm gần, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% (năm 2014), 6,68% (năm 2015) và 6,21% (năm 2016). Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành, các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực. Mục tiêu đặt ra cho GDP năm 2017 khoảng 6,7% đã được Quốc hội thông qua với kỳ vọng nền kinh tế sẽ ổn định và tăng trưởng tốt hơn nữa so với năm 2016. Với kỳ vọng tăng trưởng khả quan như trên thì các doanh nghiệp nói chung và GELEX nói riêng sẽ có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2016



Nguồn: GSO

Lạm phát

Giai đoạn 2015-2016, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2017, Việt Nam tiếp tục đặt mục tiêu chỉ số giá tiêu dùng không quá 5% nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2016



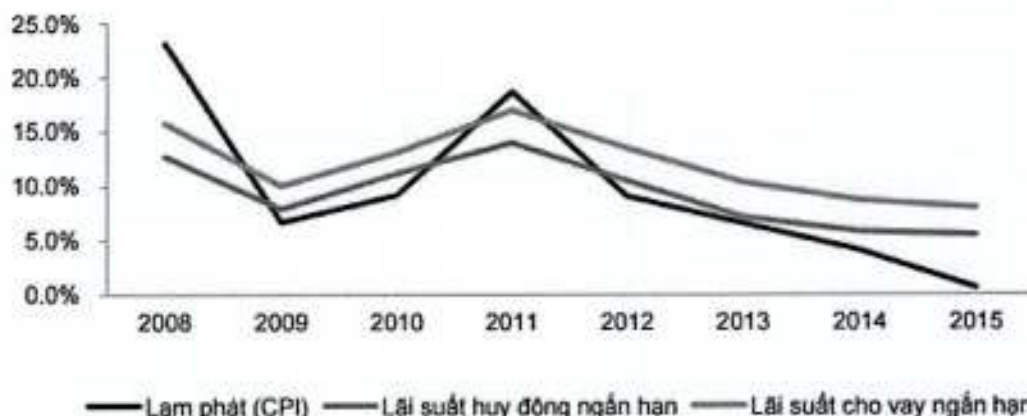
Kết thúc năm 2015, tỷ lệ lạm phát cả nước tiếp tục được kiểm soát tốt khi chỉ tăng ở mức 0,63% so với bình quân năm 2014, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng hơn 14 năm trở lại đây.

Lạm phát tiếp tục được kìm chế ở mức thấp phản ánh nhu cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước còn hạn chế.

Lãi suất

Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 8 – 9%/ năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

Hình 3: Lạm phát và lãi suất cho vay ngắn hạn



Nguồn: Economist Intelligence Unit

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Tổng Công ty là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình tổng công ty cổ phần, đã là công ty đại chúng và tiến tới niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tổng Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Tổng Công ty liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh/liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Tổng Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về cạnh tranh

Năm 2016 và những năm sắp tới là thời kỳ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước trong đó có GELEX phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của quá trình hội nhập cả về chất lượng và giá bán, cạnh tranh công bằng và cả cạnh tranh chưa công bằng, cạnh tranh với hàng nội địa và cả hàng hóa nhập từ Trung Quốc và nước ngoài.

Đối với lĩnh vực công nghiệp, với đặc thù của sản phẩm kỹ thuật cao, công nghệ liên tục phát triển đòi hỏi nhà sản xuất phải hết sức nhanh nhạy và linh hoạt, chủ động, cập nhật thông tin, kịp thời thay đổi thiết kế, tính năng sản phẩm phù hợp.

Đối với lĩnh vực hạ tầng (cung cấp điện và nước), việc cạnh tranh trong lĩnh vực này tương đối gay gắt, tuy nhiên với các hợp đồng tiêu thụ đã được ký kết với các khách hàng lớn đã giúp đảm bảo cho sự ổn định trong hoạt động của lĩnh vực này.

Đối với lĩnh vực logistics, việc các công ty nước ngoài được tham gia vào lĩnh vực logistics khiến cạnh tranh ngày một gay gắt, nhưng cũng là cơ sở để các công ty trong nước nâng cao chất lượng dịch vụ. Riêng đối với các công ty con hoạt động trong lĩnh vực logistics của Gelex có lợi thế về mặt bằng kho bãi ở các vị trí thuận tiện. Đây là lợi thế cạnh tranh mà các công ty nước ngoài không thể có tại thị trường Việt Nam.

Đối với lĩnh vực bất động sản, Gelex Land chỉ tập trung khai thác các bất động sản sẵn có, chuyển đổi các quỹ đất hiện có của các công ty trong Tập đoàn nhằm tạo ra các tài sản mang lại dòng tiền ổn định. Tuy nhiên, các yếu tố rủi ro hệ thống vẫn khó tránh như:

- Thay đổi bất lợi về tình hình chính trị hoặc kinh tế
- Ảnh hưởng mang tính chu kỳ của các điều kiện kinh tế thị trường (quan hệ cung cầu trong lĩnh vực bất động sản)
- Các thay đổi của thị trường vốn có thể gây khó khăn cho việc tìm nguồn vốn tài trợ cho việc phát triển các dự án bất động sản

- Thay đổi về giá dịch vụ (bao gồm giá cho thuê bất động sản) trên thị trường
- Cạnh tranh giữa các chủ đầu tư bất động sản về khách thuê

Để hạn chế các rủi ro này, GELEX chủ động tìm hiểu rõ nhu cầu của thị trường bất động sản, để đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, chuẩn bị kỹ về các nguồn vốn phát triển dự án, đảm bảo đưa ra dự án có lợi nhất.

Đối với lĩnh vực đầu tư, việc tìm kiếm được cơ hội đầu tư phù hợp với chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty không dễ dàng. Đồng thời môi trường pháp lý và các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng thường xuyên thay đổi gây nhiều rủi ro cho các hoạt động đầu tư..

Rủi ro về yếu tố đầu vào

Đối với lĩnh vực công nghiệp, các loại vật liệu chính là đồng, tôn tấm, thép, ... Nguồn nguyên vật liệu sử dụng được mua từ các công ty cung ứng trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm qua, giá các loại nguyên vật liệu này tại thị trường trong nước và thế giới biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng như các đơn vị thành viên.

Để đối phó với vấn đề này Tổng Công ty đã luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chặt chẽ kế hoạch mua sắm vật tư gắn liền với quản lý định mức sản xuất, tổ chức mua sắm vật tư tập trung tại Tổng Công ty nhằm tận dụng lợi thế về mặt nguồn vốn, đàm phán thương mại, từ đó giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến động giá nguyên vật liệu.

Đối với lĩnh vực hạ tầng, một trong những lĩnh vực đầu tư trọng tâm của GELEX là đầu tư vào thủy điện. Lĩnh vực thủy điện luôn chịu ảnh hưởng của thời tiết, điều kiện tự nhiên. Việc thời tiết khô hạn sẽ ảnh hưởng đến công suất phát điện của nhà máy nhưng lại thuận lợi cho việc xây dựng dự án. Để giảm thiểu rủi ro về biến đổi thời tiết, các nhà máy thủy điện của Tổng Công ty chủ động thực hiện kế hoạch tích nước và xả nước phù hợp trong hồ chứa để đảm bảo duy trì phát điện trong mùa khô.

Đối với lĩnh vực logistics, các công ty con phải đối mặt với các rủi ro về thay đổi nhiên liệu đầu vào. Trong thời gian gần đây, giá nhiên liệu đầu vào liên tục giảm – là điều kiện thuận lợi cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực logistics. Tuy nhiên, các công ty con luôn phải chủ động tích trữ nhiên liệu để đảm bảo hoạt động liên tục của công ty và không bị động trong trường hợp nhiên liệu tăng giá.

Bên cạnh đó, rủi ro về sự biến động giá đất cũng ảnh hưởng rất lớn tới dịch vụ kho bãi của các công ty con. Để giảm thiểu rủi ro về biến động giá đất, Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể về quy hoạch và phát triển kho bãi từ nguồn các khu đất, nhà xưởng, kho bãi của các đơn vị thành viên thành các dự án bất động sản hoặc các dự án kho bãi có giá trị khai thác cao hơn.

Đối với lĩnh vực bất động sản, các yếu tố nguyên liệu đầu vào bao gồm gạch ngói xi măng sắt thép... Để hạn chế rủi ro biến động về giá của các nguyên vật liệu này, Tổng Công ty sẽ chủ động duy trì việc đặt hàng hợp lý theo tiến độ dự án để đảm bảo kế hoạch thi công.

Lĩnh vực bất động sản của Tổng công ty chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách Thuế chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng công ty chủ động đẩy nhanh quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý các dự án bất động sản công nghiệp và thương mại tại các đơn vị thành viên

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu GELEX niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Tổng Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và

quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển và chuẩn mực hóa quản trị Tổng Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu GELEX sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Tổng Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Tổng Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5. Các rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết – Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX)**

Ông Nguyễn Hoa Cường	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên thường trực Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Anh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)

Bà Nguyễn Ngọc Anh Chức vụ: Giám đốc Phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư phía Bắc
(Giấy ủy quyền số: 03/2014/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 17/10/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- | | | |
|--------------------|---|---|
| Tổ chức niêm yết | : | Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam/GELEX/Tổng Công ty |
| Điều lệ | : | Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua |
| Vốn điều lệ | : | Là số vốn do tất cả các cổ đông góp |
| Cổ phần | : | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau |
| Cổ phiếu | : | Chứng chỉ do GELEX phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần |
| Người có liên quan | : | Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; d. Người quản lý doanh nghiệp; đ. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; e. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ nêu trên; g. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty; h. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g nêu trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó. |

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Tổng Công ty/ GELEX	:	Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
SSI	:	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CP	:	Cổ phần
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
HĐ	:	Hợp đồng
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
LN	:	Lợi nhuận
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
PR	:	Công tác truyền thông và quan hệ công chúng
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	:	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	:	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	:	Tài sản cố định
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	:	Ủy ban nhân dân
USD	:	Đô la Mỹ
VĐL	:	Vốn điều lệ

VND	:	Đồng Việt Nam
TGD	:	Tổng Giám đốc
CTCP	:	Công ty Cổ phần
DT	:	Doanh thu
Vốn CSH	:	Vốn chủ sở hữu
VĐL	:	Vốn điều lệ
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
GTCL	:	Giá trị còn lại
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
n/a	:	không áp dụng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển
1.1 Giới thiệu chung về Tổng Công ty

- Tên gọi Tổng Công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**
- Tên giao dịch đối ngoại: Vietnam Electrical Equipment Joint Stock Corporation
- Tên viết tắt: **GELEX**
- Địa chỉ: Số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 39726245/6 Fax: 024 39726282
- Website: www.gelex.vn
- Logo Tổng công ty:



- Mã số thuế: 0100100512
- Nơi mở tài khoản: số tài khoản 12210001005389 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành
- Vốn điều lệ hiện tại: 2.668.000.000.000 đồng (Hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Mã chứng khoán: GEX
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0100100512 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 1/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/08/2017
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là:

Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
2790	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; - Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 KV;
4220	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220 KV;
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi

4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Những cột mốc phát triển quan trọng

Năm 1995	Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện (nay là Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tại thời điểm quyết định thành lập, Tổng Công ty có 10 đơn vị thành viên hạch toán độc lập và 03 liên doanh nước ngoài trực thuộc các công ty thành viên.
Năm 2006	Ngày 31 tháng 5 năm 2006, Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo quyết định số 127/2006/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính Phủ. Trong đó, Tổng Công ty được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị đo điện và văn phòng Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện.
Năm 2010	Thực hiện phương án cổ phần hóa đã được Chính phủ phê duyệt, ngày 27 tháng 09 năm 2010, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với giá đấu thành công bình quân là 10.502 đồng/cổ phần. Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng chẵn).
Năm 2015	Tăng vốn điều lệ từ 1.400 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt, ngày phát hành cổ phần: 06/08/2015. Tháng 10/2015, cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán UPCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 25/12/2015, Bộ Công thương thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Năm 2016	<p>Tái cấu trúc Tổng công ty, thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Điện vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện hiện nay của Tổng công ty.</p> <p>Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực năng lượng trên cơ sở thành lập Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex.</p>
Năm 2017	<p>Phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 1.550 tỷ đồng lên 2.320 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, ngày báo cáo UBCKNN và ngày UBCKNN chấp thuận BC 23/01/2017 (Thay đổi đăng ký doanh nghiệp ngày 21/02/2017)</p> <p>Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực logistics trên cơ sở mua thành công 51,03% cổ phần của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (Sotrans)</p> <p>Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:15, vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt phát hành là 2.668 tỷ đồng</p>

1.3 Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Tổng Công ty

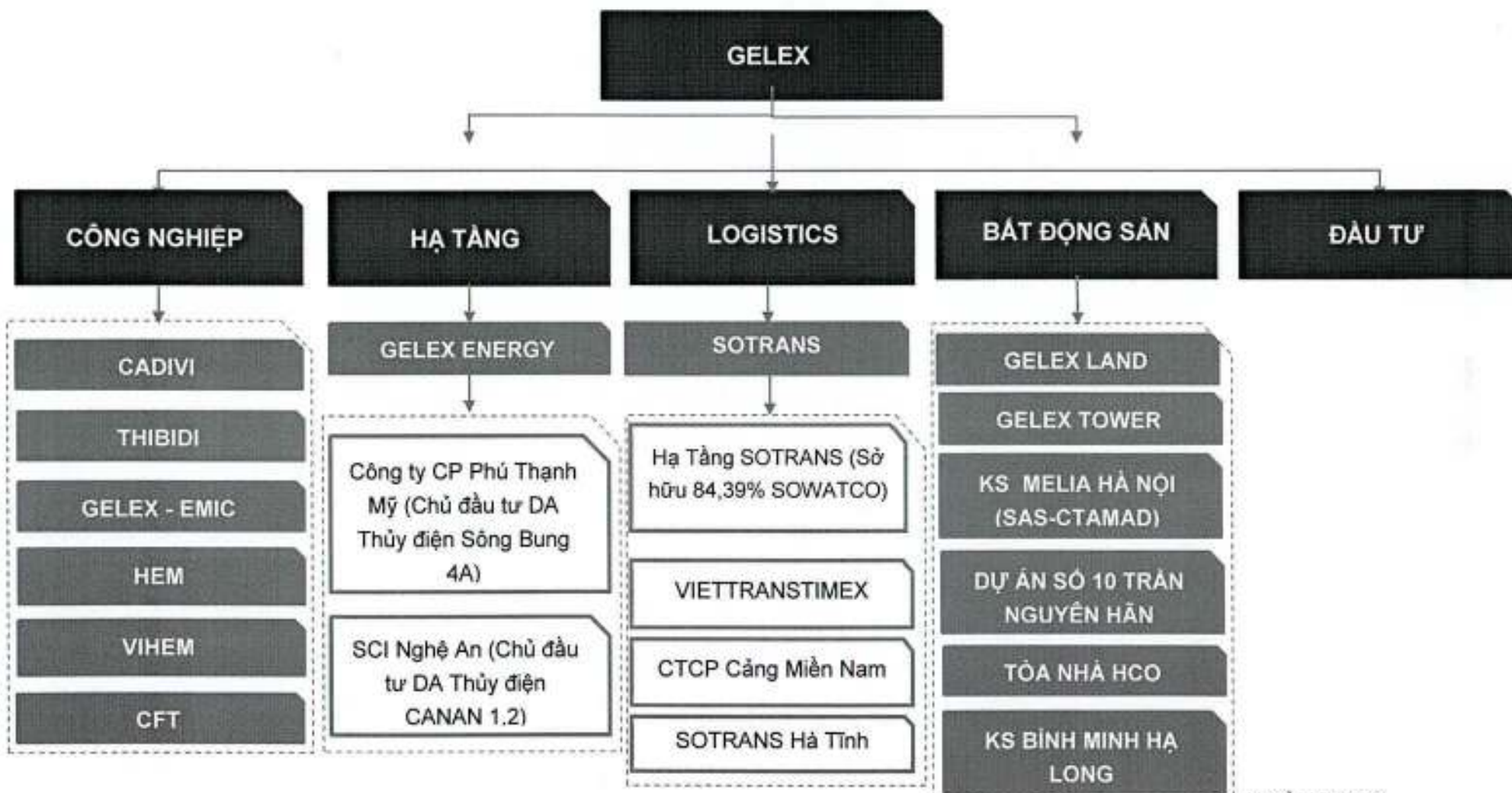
Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (tỷ VND)	Mức vốn tăng (tỷ VND)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Khi cổ phần hóa	1.400			<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010
Tháng 8 Năm 2015	1.550	150	Phát hành riêng lẻ cho Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 215/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2015; Công văn số 4667/UBCK-QLPH ngày 27/7/2015 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ gửi UBCKNN ngày 07/8/2015; Công văn số 4992/UBCK-QLPH ngày 11/8/2015 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 16/9/2015

Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (tỷ VND)	Mức vốn tăng (tỷ VND)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Tháng 1 năm 2017	2.320	770	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01/08/2016; ❖ Công văn số 6664/UBCK-QLCB ngày 04/10/2016 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; ❖ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 60/GCN-UBCK ngày 04/10/2016 ❖ Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi UBCKNN ngày 23/01/2017; ❖ Công văn số 534/UBCK-QLCB ngày 23/01/2017 về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 21/02/2017
Tháng 7/2017	2.668	348	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2017 ❖ Công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 18/07/2017 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 7 ngày 23/08/2017

2. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty

Hình 4: Sơ đồ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Một số đơn vị trong cơ cấu ngành hàng chính của GELEX)



Nguồn: GELEX

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: GELEX

Nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và quản lý của một tập đoàn, đồng thời tuân thủ đúng các quy định đối với quản trị công ty đại chúng, cơ cấu tổ chức quản lý của GELEX được xây dựng bao gồm một số bộ phận chính như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của GELEX, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ GELEX quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của GELEX, có toàn quyền nhân danh GELEX để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của GELEX, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của GELEX theo quy định. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông được Pháp luật và Điều lệ GELEX quy định. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của GELEX, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của Tổng Công ty, trực tiếp theo dõi, chỉ đạo các mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty.

Ban Tài chính Kế toán

Ban tài chính kế toán thực hiện chức năng tham mưu, triển khai các vấn đề liên quan đến quản trị tài chính, kế toán của GELEX và các công ty con.

Nhiệm vụ chính của Ban Tài chính Kế toán:

- Thiết lập hệ thống kế toán và kiểm soát, hạch toán kế toán, lập BCTC riêng và hợp nhất
- Phân tích hoạt động kinh doanh và rủi ro: thống kê, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn GELEX định kỳ hàng tháng, quý, năm
- Lập chiến lược tài chính, kế hoạch tài chính và kế hoạch vốn
- Quản lý dòng tiền, điều phối nguồn lực trong toàn hệ thống, thực hiện hoạt động nguồn vốn ngắn hạn và đầu tư tài chính
- Thực hiện hoạt động huy động vốn dài hạn

Ban Đầu tư

Ban Đầu tư thực hiện chức năng tham mưu trong lĩnh vực đầu tư chiến lược dài hạn của GELEX; phối hợp, hỗ trợ các công ty con trong lĩnh vực đầu tư chiến lược dài hạn; đồng thời tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động liên quan đến dự án của GELEX (do GELEX hoặc các công ty thành viên của

GELEX triển khai).

Nhiệm vụ chính Ban Đầu tư:

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho GELEX và các đơn vị thành viên
- Đánh giá tính khả thi của dự án; thẩm định phương án tài chính, kỹ thuật và thương mại của các dự án;
- Triển khai, phối hợp triển khai dự án

Ban Pháp chế

Ban Pháp chế có chức năng tư vấn pháp luật cho Ban Tổng Giám đốc và kiểm soát rủi ro pháp lý trong hoạt động của GELEX và các Công ty con.

Nhiệm vụ chính của Ban Pháp chế:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chỉ đạo, quản lý và kinh doanh của GELEX trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ GELEX.
- Soạn thảo và ban hành các quy định nội bộ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;
- Soạn thảo và ban hành các mẫu văn bản, hợp đồng đặc thù cho Tổng công ty và các Công ty con
- Tham gia đàm phán, thương lượng các hợp đồng quan trọng của Tổng công ty và các Công ty con
- Đầu mối xử lý khiếu nại khiếu kiện, hướng dẫn giải quyết tranh chấp pháp lý trên toàn hệ thống.
- Phát hiện và cảnh báo rủi ro pháp lý (nếu có) và các chức năng nhiệm vụ khác

Ban Kiểm soát nội bộ

Ban Kiểm soát nội bộ có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc nhằm dự báo, phát hiện, ngăn ngừa và chống rủi ro gắn liền với tất cả các hoạt động của GELEX và các Công ty con.

Ban Kiểm soát nội bộ có các nhiệm vụ chính sau đây:

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro trong việc xây dựng, thực hiện các quy chế, quy trình của GELEX.
- Tham mưu đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động quản lý điều hành tại Gelex và các công ty con, công ty liên kết
- Thực hiện kiểm tra đánh giá tính tuân thủ, trung thực, đúng đắn trong công tác quản lý điều hành các hoạt động trong Gelex và các công ty con, công ty liên kết
- Hỗ trợ việc xây dựng các công cụ quản lý nghiệp vụ đối với các hoạt động của các bộ phận trong GELEX và các công ty con, công ty liên kết

Ban Vận hành

Ban vận hành có chức năng thực hiện các công tác hỗ trợ nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty được thống suốt. Ban vận hành bao gồm các bộ phận: nhân sự, công nghệ thông tin, và hành chính, văn phòng.

4. Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ;

Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần bằng hình thức cổ phần hóa. Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không có cổ đông sáng lập.

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/12/2017

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.016	235.423.867	2.354.238.670.000	88,24%
1	Cổ đông tổ chức	42	143.968.960	1.439.689.600.000	53,96%
	Trong đó: Nhà nước				
2	Cổ đông cá nhân	1.974	91.454.907	914.549.070.000	34,28%
II	Cổ đông nước ngoài	45	31.376.133	313.761.330.000	11,76%
1	Cổ đông tổ chức	28	31.223.633	312.236.330.000	11,70%
2	Cổ đông cá nhân	17	152.500	1.525.000.000	0,06%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0	0,00%
	Tổng cộng	2.061	266.800.000	2.668.000.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của GELEX tại ngày 26/12/2017

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1.	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư GEX	4601290653	Tổ 7, Thị trấn Chùa Hang, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên	61.841.480	23,18%
	Tổng cộng			61.841.480	23,18%

Nguồn: Danh sách cổ đông của GELEX tại ngày 26/12/2017

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối GELEX

Không có

5.2. Công ty con

Bảng 3: Danh sách công ty con của GELEX

	TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của GELEX	Tỷ lệ nắm giữ của GELEX	Ngành nghề kinh doanh
THIẾT BỊ ĐIỆN	1	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	TP. Hồ Chí Minh	576 tỷ VNĐ	576 tỷ VNĐ	430,436 tỷ VNĐ	79,76%	Sản xuất, kinh doanh dây và cáp điện
	2	Công ty CP chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	TP. Hà Nội	368 tỷ VNĐ	368 tỷ VNĐ	242,422 tỷ VNĐ	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
	3	Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI)	Tỉnh Đồng Nai	488 tỷ VNĐ	488 tỷ VNĐ	345,470 tỷ VNĐ	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
	4	Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh- Campuchia	25.000 USD	25.000 USD	25.000 USD	100,00%	Kinh doanh phân phối sản phẩm thiết bị điện
	5	Công ty TNHH MTV thiết bị đo điện	TP. Hà Nội	368 tỷ VNĐ	368 tỷ VNĐ	368 tỷ VNĐ	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
	6	Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam (VINA KIP) (*)	TP. Hà Nội	56,8 tỷ VNĐ	45,6 tỷ VNĐ	41,124 tỷ VNĐ	72,40%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
	7	Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (VIHEM)	TP. Hà Nội	110 tỷ VNĐ	110 tỷ VNĐ	71,907 tỷ VNĐ	65,37%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
HÀ TÀNG	8	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	TP. Hà Nội	1.400 tỷ VNĐ	1.400 tỷ VNĐ	1.400 tỷ VNĐ	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

LOGISTICS	9	Công ty cổ phần kho vận Miền Nam (SOTRANS)	TP. Hồ Chí Minh	854 tỷ VNĐ	854 tỷ VNĐ	436,00 tỷ VNĐ	54,78%	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển, khai thác cảng
BẤT ĐỘNG SẢN	10	Công ty TNHH MTV GELEX LAND	TP Hà Nội	50 tỷ VNĐ	50 tỷ VNĐ	1,5 tỷ VNĐ	100,00%	Kinh doanh bất động sản, và xây dựng công trình

Nguồn: GELEX

(*) Ghi chú: Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam (trước đây là Công ty cổ phần khí cụ điện 1) theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 13/12/2017

(**) Để cơ cấu lại sở hữu của GELEX tại các công ty con, Nghị quyết 39/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 10/10/2017 của HĐQT thông qua việc chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu của GELEX tại Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam-Hungary (VIHEM) cho Công ty CP chế tạo Điện cơ Hà Nội "HEM", với nội dung như sau:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng: 7.190.700 cổ phần (toàn bộ số cổ phần của GELEX tại VIHEM)
- Đơn vị nhận chuyển nhượng: HEM
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định thời điểm, giá chuyển nhượng, phương thức giao dịch và các nội dung khác liên quan để hoàn tất việc chuyển nhượng cho phù hợp với điều kiện thị trường, tình hình của GELEX và các quy định của Pháp luật.

5.3. Công ty liên doanh, liên kết của GELEX

Bảng 4: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của GELEX

	TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Lĩnh vực kinh doanh
THIẾT BỊ ĐIỆN	1	Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	Tỉnh Đồng Nai	179,76 tỷ VND	45,00%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

Nguồn: GELEX

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ của Tổng Công ty qua các năm

Năm 2016, trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã thực hiện tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động. Hiện tại, GELEX đang hoạt động dưới mô hình tập đoàn trong các lĩnh vực **công nghiệp, hạ tầng, logistics, bất động sản, và đầu tư**.

Lĩnh vực Công nghiệp

Sản xuất và cung cấp thiết bị điện là lĩnh vực nền tảng và quan trọng của GELEX. Hệ thống GELEX hiện sản xuất và cung cấp bộ sản phẩm toàn diện trong lĩnh vực thiết bị điện, cụ thể, GELEX tập trung vào bốn nhóm sản phẩm chính sau:

- Dây và cáp điện
- Máy biến áp
- Động cơ điện, Máy phát điện
- Thiết bị đo điện

Đối với mỗi dòng sản phẩm, GELEX hiện đang sở hữu những thương hiệu hàng đầu, đã khẳng định được uy tín trên thị trường.

❖ Dây và cáp điện

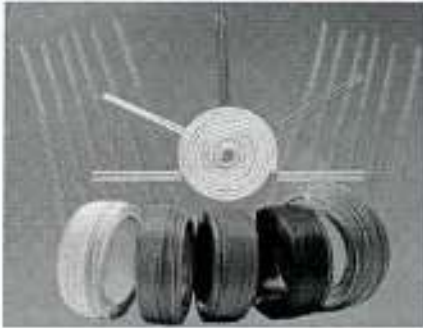

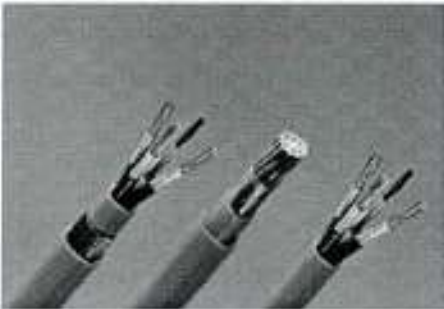

Dây và cáp điện được sản xuất bởi CADIVI – Công ty con do GELEX sở hữu 79,76% vốn. CADIVI là thương hiệu dây điện trên 40 năm với chất lượng sản phẩm được người tiêu dùng tin tưởng. Theo ước tính hiện tại, sản phẩm của CADIVI chiếm 23% thị phần dây dân dụng cả nước (Trong đó: tại thị trường miền Nam chiếm 46% thị phần, thị trường miền Trung chiếm 12,6% thị phần, thị trường miền Bắc chiếm 3,7% thị phần).

Các sản phẩm của CADIVI bao gồm:

- Các loại dây điện bao gồm các loại dây điện dân dụng, dây điện lực, dây điện ô tô, dây điện thoại trong nhà, dây nhôm lõi thép, dây nhôm trần xoắn, dây đồng trần xoắn;
- Các loại cáp điện bao gồm các loại cáp điện lực, cáp vận xoắn, cáp trung thế ngầm và trung thế treo điện áp đến 40,5kV, cáp điện kế duplex, multiplex, cáp đồng trục, cáp instrument, cáp chống cháy, cáp chậm cháy ít khói không có khí độc, cáp điều khiển, cáp chống thấm...
- Các loại dây điện từ, dây vuông đẹp giáp giấy và không giáp giấy

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của CADIVI như dưới đây

Bảng 5: Các sản phẩm dây cáp điện của CADIVI

Sản phẩm	Hình ảnh	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
Dây điện dân dụng		TCVN 6610-3 / IEC 60227-3 TCVN 6610-5 / IEC 60227-5 TCCS 10A TCCS 10B TCCS 10C TCVN 6612 / IEC 60228
Dây và cáp điện hạ thế		TCVN 6610-3 / IEC 60227-3 TCVN 6612 / IEC 60228
Cáp điện lực chậm cháy, chống cháy		TCVN 5935-1 / IEC 60502-1. TCVN 6612 / IEC 60228. IEC 60332-1,3. BS 4066-1,3.
Cáp điều khiển		TCVN 5935-1 / IEC 60502-1 TCVN 6612 / IEC 60228 Hoặc JIS C 3401-1992

<p>Cáp truyền số liệu</p>		<p>ANSI/TIA/EIA – 568 – C.2</p>
<p>Dây điện dùng trong xe ô tô và xe gắn máy</p>		<p>JASO D611 JIS C 3102 JIS C 3406</p>
<p>Cáp hybrid</p>		<p>TCVN 8665 TCVN 5935-1/IEC 60502-1 TCVN 6610/IEC 60227 IEC 60793 series; IEC 60794 series UL 13; ITU-T G652; ITU-T G655; ITU-T G657</p>

❖ **Máy biến áp**

Máy biến áp được sản xuất bởi THIBIDI – Công ty con do GELEX sở hữu 70,79% vốn. THIBIDI là thương hiệu có uy tín cao trên thị trường trong và ngoài nước; theo ước tính, hiện tại thị phần của THIBIDI chiếm khoảng 35% toàn thị trường Việt Nam và chiếm khoảng 50% tại thị trường Campuchia. THIBIDI đã đạt giải thưởng Chất lượng quốc gia và chất lượng quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương năm 2016.

Các sản phẩm chính của THIBIDI bao gồm:

- Máy biến áp 1 pha tần số 50Hz, công suất từ 10 đến 167kVA, điện áp đến 35kV, năng lực 15.000 máy/năm
- Máy biến áp 3 pha tần số 50Hz, công suất từ 30 đến 10.000kVA, điện áp đến 35kV, năng lực 9.600 máy/năm

Một số sản phẩm tiêu biểu của THIBIDI như dưới đây

Bảng 6: Các sản phẩm máy biến áp của THIBIDI

Sản phẩm	Hình ảnh	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
Máy biến áp 1 pha		IEC-60076
Máy biến áp 3 pha		IEC-60076 TCVN 8525
Máy biến áp khô		N/A
Máy biến áp hợp bộ		N/A

❖ **Động cơ điện, Máy phát điện**

Động cơ điện, máy phát điện được sản xuất bởi HEM – Công ty con do GELEX sở hữu 65,88% vốn và VIHEM – Công ty con do GELEX sở hữu 65,37% vốn.

Các sản phẩm động cơ điện, máy phát điện của HEM và VIHEM bao gồm:

- Động cơ điện không đồng bộ 1 pha
- Động cơ điện không đồng bộ 3 pha
- Máy phát điện 3 pha

Năng lực sản xuất của HEM hiện nay tính theo số động cơ là từ 25.000 đến 30.000 chiếc/1 năm.

Một số sản hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của HEM như dưới đây

Bảng 7: Một số sản phẩm của HEM

Sản phẩm	Hình ảnh
Động cơ điện	

❖ **Thiết bị đo điện:**

Thiết bị đo điện được sản xuất bởi GELEX EMIC – Công ty con do GELEX sở hữu 100% vốn. GELEX EMIC là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị đo điện và là nhà cung cấp thiết bị đo điện lớn cho EVN Việt Nam.

Các sản phẩm thiết bị đo điện của GELEX EMIC bao gồm:

- Công tơ điện tử 1 pha và 3 pha
- Máy biến áp đo lường và cấp nguồn trung thế
- Máy biến dòng điện đo lường hạ thế, trung thế

Một số sản hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của GELEX EMIC như dưới đây

Bảng 8: Một số sản phẩm nổi bật của GELEX EMIC

Sản phẩm	Hình ảnh
Công tơ điện tử 1 pha và 3 pha	
Máy biến dòng TU, TI	



Lĩnh vực hạ tầng

Kể từ năm 2016, GELEX mở rộng đầu tư sang lĩnh vực hạ tầng. Việc phát triển kinh doanh trong lĩnh vực hạ tầng được thực hiện bởi Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX do GELEX sở hữu 100% vốn.

Các lĩnh vực trọng tâm mà Năng lượng GELEX sẽ đầu tư phát triển gồm:

- Sản xuất điện năng trong đó chú trọng đến sản xuất điện từ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo
- Sản xuất và phân phối nước sạch

Tính đến nay Năng lượng GELEX đã thực hiện các hoạt động đầu tư như sau:

- Sở hữu 67,93% tại Công ty CP Phú Thạnh Mỹ hiện đang vận hành dự án thủy điện Sông Bung 4A – công suất 49 MW, đã đưa vào khai thác năm 2013
- Sở hữu 49% Công ty TNHH SCI Nghệ An, đơn vị chủ đầu tư dự án Thủy điện Ca Nan 1,2; tổng công suất 23 MW; dự kiến đi vào khai thác năm 2018
- Ngoài ra công ty đang xúc tiến đầu tư một số dự án sản xuất điện từ năng lượng mặt trời và dự án sản xuất và phân phối nước sạch.

Hình 6: Một số hình ảnh về dự án thủy điện Sông Bung 4A



Lĩnh vực Logistics

GELEX bắt đầu tham gia vào lĩnh vực logistics vào năm 2016 với việc đầu tư vào Công ty CP Kho vận Miền Nam (SOTRANS). Hiện tại GELEX đang nắm 54,78% cổ phần của công ty SOTRANS.

Các sản phẩm dịch vụ logistics bao gồm:

- Dịch vụ kho bãi (gồm kho ngoại quan, kho chứa hàng)
- Giao nhận và vận chuyển nội địa (gồm các dịch vụ như: Dịch vụ giao nhận; thủ tục hải quan; hàng công trình, hàng dự án; vận chuyển hàng xá, hàng rời; vận chuyển đường thủy nội địa; vận chuyển đường bộ nội địa; phân phối hàng hóa)
- Vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng
- Vải tải đường thủy nội địa bằng sà lan
- Vận chuyển quốc tế (gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không, vận chuyển đa phương thức, dịch vụ gom hàng, vận chuyển xuyên biên giới)
- Khai thác cảng

Hệ thống logistics của SOTRANS bao gồm:

❖ Công ty mẹ SOTRANS

Công ty mẹ SOTRANS với vốn điều lệ 854 tỷ hoạt động kinh doanh chính gồm: dịch vụ kho bãi, giao nhận vận tải và vận tải quốc tế.

SOTRANS đang khai thác trên 230.000 m² kho bãi trên khắp cả nước, tọa lạc tại các vị trí thuận lợi gần trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng...

Với hơn 40 năm kinh nghiệm trong hoạt động logistics, SOTRANS có đại lý tại hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới, 450.000 teus năng lực thông quan qua Cảng mỗi năm.

❖ **Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam (SOWATCO)**

SOTRANS hiện sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH MTV Hạ Tầng SOTRANS. Hạ tầng SOTRANS sở hữu 84,39% Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam (SOWATCO);

SOWATCO với vốn điều lệ 671 tỷ hoạt động kinh doanh chính gồm: kho bãi và cảng, vận tải đường thủy nội địa, đóng tàu và sửa chữa tàu thủy;

Hiện tại SOWATCO có đội sà lan vận chuyển gồm 20 sà lan tự hành, 06 đội tàu chuyên dùng lai dắt và hỗ trợ tàu biển; 20ha kho bãi liền với Cảng Long Bình, 43.125 m² kho tiếp vận SOWATCO;

Ngoài ra, SOWATCO hiện sở hữu 37% vốn tại Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 (VICT) – đơn vị quản lý khai thác Cảng Container Quốc tế tại Quận 7, TP Hồ Chí Minh.

❖ **Công ty cổ phần cảng Miền Nam**

SOTRANS sở hữu 51% vốn tại Công ty cổ phần cảng Miền Nam. Với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, Công ty cổ phần cảng Miền Nam hiện đang khai thác 10ha ICD Cảng kho vận tại khu vực Trường Thọ, quận Thủ Đức đã đi vào hoạt động từ năm 2010.

❖ **Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức (VIETRANSTIMEX)**

SOTRANS sở hữu 82,65% vốn tại Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức. VIETRANSTIMEX chuyên về vận tải đa phương thức quốc tế, vận chuyển hàng nặng, quá khổ và hàng dự án với phương thức dịch vụ "Door to Door";

VIETRANSTIMEX sở hữu và quản lý một số lượng lớn các thiết bị máy móc hiện đại từ phổ thông, bán trailer và máy kéo trailer, mô đun thủy lực, mô đun tự hành (SPMT) và cần cầu;

Hiện tại, VIETRANSTIMEX đứng vị trí số 01 Đông Nam Á và top 50 thế giới về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng với nhiều dự án vận chuyển đã được thực hiện.

❖ **Công ty TNHH MTV SOTRANS Hà Tĩnh**

SOTRANS hiện sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh. Sotrans Hà Tĩnh có hoạt động kinh doanh chính gồm: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ logistics, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Sotrans Hà Tĩnh là một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ logistics uy tín cho dự án Fomosa Hà Tĩnh.

Một số thông tin về hoạt động kho bãi và khai thác cảng của Hệ thống SOTRANS

Bảng 9: Một số kho chính của Hệ thống SOTRANS

Một số kho chính	Diện tích
1. Kho Thủ Đức	35.000 m ²
2. Kho Hưng Điền – Quận Bình Chánh	30.000 m ²
3. Kho Phước Long – Quận 9	15.000 m ²

4. Kho Phú Mỹ - Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	50.000 m ²
5. Kho Sotrans Long An	10.000 m ²
6. Kho Long Bình – Thành phố Biên Hòa – tỉnh Biên Hòa	22.000 m ²
7. Các kho hợp tác ở Hồ Chí Minh, Bình Dương, Phú Mỹ	70.000 m ²

Hình 7: Vị trí các kho bãi của Hệ thống SOTRANS



Về hoạt động khai thác Cảng, Hệ thống SOTRANS hiện đang khai thác hơn 50 ha Cảng ở những vị trí chiến lược.

Cảng ICD Sotrans	Sotrans Long Bình	Cảng Container Quốc tế (VICT)	Cảng Container quốc tế Sài Gòn (SPCT) & Cảng Cần Thơ
<ul style="list-style-type: none"> ✓ 10 ha tại Thủ Đức ✓ Có khả năng khai thác 450.000 TEU/năm 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 20 ha đất tại Quận 9, TP Hồ Chí Minh ✓ Cầu cảng có khả năng nhận tàu 5.000 MT 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 20 ha tại Quận 7, TP Hồ Chí Minh ✓ Thành lập từ năm 1994 giữa SOWATCO và đối tác Singapore 	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp tác chiến lược

Lĩnh vực Bất động sản

Với các lợi thế về quỹ đất sẵn có của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, GELEX đã tham gia vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản cụ thể là lĩnh vực bất động sản thương mại. Các dự án bất động sản đã hoàn thành và đang triển khai của GELEX bao gồm:

❖ **Dự án đã hoàn thành, đang khai thác:**

Dự án 52 Lê Đại Hành

Tại diện tích đất 1.937 m² ở địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; GELEX đã xây dựng Tòa nhà GELEX TOWER làm trụ sở làm việc của Tổng Công ty kết hợp văn phòng cho thuê. GELEX TOWER có tổng diện tích xây dựng là 18.289 m² với 3 tầng hầm và 22 tầng nổi, hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2014.

Hình 8: Tòa nhà 52 Lê Đại Hành



Khách sạn Melia Hà Nội

GELEX hiện sở hữu 65,88% Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM). HEM sở hữu 35% Công ty liên doanh SAS-CTAMAD - chủ đầu tư của Tổ hợp Khách sạn Melia Lý Thường Kiệt.

Tổ hợp Khách sạn Melia Lý Thường Kiệt bao gồm Khách sạn Melia và Tòa nhà văn phòng cho thuê Hanoi Center Office ("HCO"), tọa lạc tại vị trí 44B Lý Thường Kiệt, trung tâm tài chính và ngoại giao của Hà Nội. Khách sạn Melia là một khách sạn 5 sao, đẳng cấp quốc tế, nơi đây đã từng tiếp đón nhiều nguyên thủ quốc gia đến từ nhiều nước. Tòa nhà văn phòng HCO hiện đang được nhiều công ty nổi tiếng thế giới sử dụng.

Hình 9: Khách sạn Melia Hà Nội

**❖ Dự án đang triển khai:****Dự án số 10 Trần Nguyễn Hân**

Dự án số 10 Trần Nguyễn Hân: Đây là dự án của Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam, trên phần đất thuộc quyền sử dụng của GELEX. Dự án được triển khai trên khu đất số 10 Trần Nguyễn Hân và 27- 29 Lý Thái Tổ, đây là vị trí trung tâm tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hiện tại, GELEX đã được chấp thuận chủ đầu tư tháng 6/2017 và đang tiến hành lập dự án xây dựng Tổ hợp Khách sạn, căn hộ dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao.

Diện tích lập Dự án là 9.934m².

Tổng mức đầu tư dự kiến là 2.161 tỷ đồng.

Hình 10: Dự án số 10 Trần Nguyễn Hân



Ghi chú: ảnh minh họa

❖ **Công ty TNHH MTV GELEX LAND**

Song song với việc thực hiện các dự án trên, GELEX đã thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND, do GELEX sở hữu 100% vốn để phát triển các dự án bất động sản thương mại với trọng tâm là khách sạn, văn phòng, bán lẻ và bất động sản công nghiệp (nhà xưởng, kho tàng, bến bãi).

Trong thời gian 3 năm tới, GELEX LAND chỉ tập trung:

- Hoàn thiện quản lý vận hành tòa nhà HCO, GELEX TOWER, xây dựng tổ hợp khách sạn, căn hộ dịch vụ tại số 10 Trần Nguyễn Hân; xây mới tòa nhà văn phòng tại số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP. HCM trên khu đất hiện là văn phòng của Cadivi, tìm kiếm đối tác phát triển dự án tại 209 Kinh Dương Vương Quận 6 hiện là nhà xưởng của Cadivi.
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý các khu đất, nhà xưởng, kho bãi của các đơn vị thành viên như CADIVI, THIBIDI, SOTRANS, SOWATCO...
- Tư vấn cho các đơn vị thành viên trong phát triển nhà máy, kho bãi

Lĩnh vực đầu tư :

Gelex triển khai các hoạt động đầu tư tài chính chuyên nghiệp thông qua hình thức góp vốn liên doanh, góp vốn mua cổ phần, mua cổ phần tại các tổ chức tài chính và công ty tiềm năng có cùng mục đích phát triển chung. Hoạt động đầu tư tài chính giúp GELEX mở rộng nhanh chóng hệ thống các Công ty thành viên, nâng cao khả năng cạnh tranh, và mang lại giá trị bền vững lâu dài do tận dụng được các nguồn lực nhân sự, tài chính, cơ sở hạ tầng sẵn có. Các khoản đầu tư tài chính gắn nhất mà GELEX đã thực hiện thành công như đầu tư:

- Tháng 03/2017, GELEX hoàn thành thủ tục chào mua công khai nâng tỷ lệ sở hữu tại SOTRANS từ 24,93% lên 51,03%, từ đó SOTRANS chuyển thành công ty con của GELEX; Tháng 12/2017, GELEX tăng tỷ lệ sở hữu tại SOTRANS lên 54,78%;
- Tháng 07/2017, GELEX thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND do GELEX sở hữu 100% vốn;
- Trong năm 2017, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX – Công ty con do GELEX sở hữu 100% đã đầu tư mua 67,93% vốn tại Công ty CP Phú Thạnh Mỹ hiện đang vận hành dự án thủy điện Sông Bung 4A

6.2 Doanh thu các loại sản phẩm và dịch vụ

6.2.1 Kết quả kinh doanh lĩnh vực hoạt động chính của GELEX giai đoạn 2015-2018

Lĩnh vực Công nghiệp

❖ Ngành hàng Dây và cáp điện

Bảng 10: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.667.844	5.631.052	6.544.620	7.190.710
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	490.072	561.733	662.056	735.399
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	219.399	304.411	399.508	436.019

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của CADIVI

❖ Ngành hàng Máy biến áp

Bảng 11: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết bị điện giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.125.397	2.535.063	2.540.000	2.600.000
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	477.424	535.342	486.122	483.010
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	228.491	277.708	345.000	320.000

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của THIBIDI

❖ Ngành hàng Động cơ điện, máy phát điện

Bảng 12: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	567.057	682.927	540.141	614.350
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	80.585	91.144	95.883	121.541
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	62.975	75.346	90.348	96.096

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của HEM

Bảng 13: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	195.215	186.351	135.450	153.000
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	46.442	50.401	45.000	45.200
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(59.026)	7.972	22.000	22.000

Nguồn: BCTCKT năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của VIHEM

❖ Ngành hàng Thiết bị đo điện
Bảng 14: Kết quả kinh doanh của ngành hàng Thiết bị đo điện giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.350.076	1.200.495	850.000	900.000
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	210.719	255.061	235.000	258.000
3	Lợi nhuận trước thuế*	Triệu đồng	153.001	201.666	182.700	200.350

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015, 8 tháng 2016 của GELEX, năm 2016 của GELEX EMIC và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của GELEX EMIC.

*: chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2015,2016 loại trừ cổ tức GELEX nhận được

Lĩnh vực Logistics
❖ Công ty mẹ Sotrans
Bảng 15: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần kho vận Miền Nam giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	996.110	723.691	875.422	1.000.000
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	146.908	135.093	158.883	173.563
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.458	74.380	285.436	116.795

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của SOTRANS

Năm 2017 Lợi nhuận trước thuế của SOTRANS tăng đột biến do doanh thu tài chính tăng cao nhờ Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam - công ty thành viên của SOTRANS thanh lý 1 khoản đầu tư trong quý 01/2017.

❖ **Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam (SOWATCO)**

**Bảng 16: Kết quả kinh doanh của Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam
giai đoạn 2015-2018**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	216.048	206.595	173.394	179.143
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	49.076	26.989	36.699	45.847
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	76.363	66.649	606.891	85.749

Nguồn: BCTCKT (hợp nhất) năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của SOWATCO
 Năm 2017 Lợi nhuận trước thuế của SOWATCO tăng cao do SOWATCO nhận được tiền lãi từ việc thoái vốn Công ty liên doanh Keppel Land Watco.

❖ **Công ty cổ phần cảng Miền Nam**

Bảng 17: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần cảng Miền Nam giai đoạn 2015-2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	30.110	142.184	165.000	175.000
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	8.826	44.931	51.800	56.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.033	9.038	10.800	11.800

Nguồn: BCTCKT năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của SOTRANS ICD
 Năm 2015: tính từ ngày ngày thành lập 14/9/2015 đến 31/12/2015

❖ Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức (VIETRANSTIMEX)

**Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức
giai đoạn 2015-2018**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	580.411	427.472	292.054	412.600
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	87.331	88.293	64.657	102.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.280	62.155	40.198	62.000

Nguồn: BCTCKT năm 2015, 2016 và ước thực hiện năm 2017 kế hoạch năm 2018 của VIETRANSTIMEX
 Kết quả kinh doanh năm 2017 VIETRANSTIMEX giảm so với năm 2016 là do một số công trình dự kiến thực hiện trong năm 2017 bị giãn tiến độ hoặc hoãn thực hiện. Bên cạnh đó, VIETRANSTIMEX vẫn đang thực hiện khấu hao nhanh cho các phương tiện vận tải máy móc thiết bị đầu tư từ năm 2015 trở về trước.

6.2.2 Cơ cấu doanh thu thuần của GELEX năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Bảng 19: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Diễn giải	Năm 2015		Năm 2016		% +/- doanh thu năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017	
	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)		Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	1.303.577	96,56	1.233.799	95,71	-5,35	1.630.124	97,13
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.499	3,44	55.312	4,29	18,95	48.141	2,87
Tổng cộng	1.350.076	100	1.289.111	100	-4,52	1.678.265	100

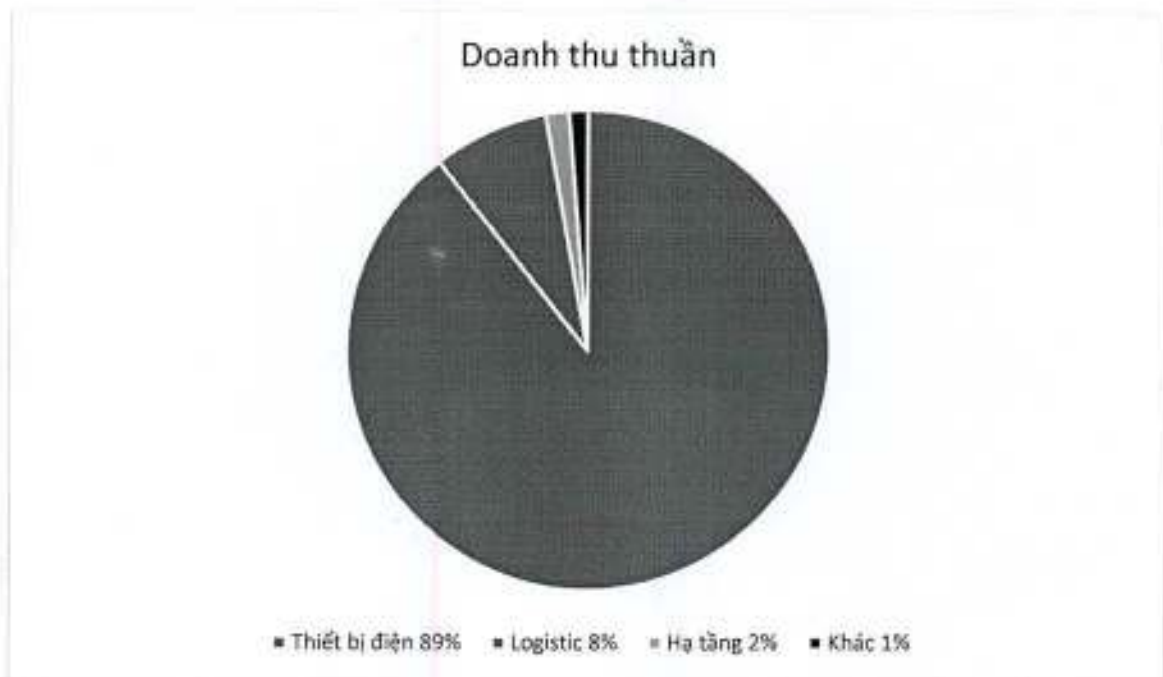
Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015, 2016 và BCTC (mẹ) Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 20: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Diễn giải	Năm 2015		Năm 2016		% +/- doanh thu năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017	
	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)		Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	8.197.620	97,79	7.133.277	97,75	-12,98	7.743.218	89,33
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hợp đồng xây dựng	185.088	2,21	163.836	2,25	-11,48	788.575	9,10
Doanh thu bán điện	-	-	-	-	-	136.739	1,57
Tổng cộng	8.382.707	100	7.297.113	100	-12,95	8.668.532	100

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và BCTC (hợp nhất) quý 3/2017 của GELEX

Hình 11: Cơ cấu Doanh thu thuần theo ngành hàng 9 tháng đầu năm 2017



Tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ năm 2016 giảm 4,52% so với năm 2015 là do:

- Sau khi tái cấu trúc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 01/08/2016, Tổng công ty không còn thực hiện hoạt động sản xuất. Hoạt động sản xuất Thiết bị đo điện được tách ra từ 01/09/2016, do công ty con là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện thực hiện. Kết quả kinh doanh của mảng hoạt động này không còn phản ánh trực tiếp vào BCTC của Công ty mẹ mà phản ánh vào BCTC hợp nhất của GELEX.

9 tháng năm 2017, tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 1.678 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2016 nhờ các nhân tố sau:

Nhằm Tiết kiệm chi phí vật tư đầu vào, giảm giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận. Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thực hiện mua sắm tập trung vật tư, nguyên vật liệu chính và bán lại cho các công ty con, công ty liên kết trong toàn hệ thống theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 25/04/2017. Chính vì vậy, doanh thu thương mại 9 tháng năm 2017 tại Công ty mẹ GELEX tăng so với cùng kỳ năm 2016.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2016 đạt hơn 7.297 tỷ đồng, giảm 12,95% so với năm 2015 là do biến động về tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị thành viên cụ thể như sau:

- Tỷ lệ sở hữu của GELEX tại THIBIDI giảm trong tháng 7/2015 xuống 43,44%, và chỉ tăng lên 70,79% vào tháng 12/2016, do đó doanh thu hợp nhất của GELEX năm 2016 gần như không bao gồm doanh thu từ THIBIDI;
- Tỷ lệ sở hữu của GELEX tại VINAKIP giảm từ 51,3% xuống 49,2% từ tháng 01/2016 nên doanh thu hợp nhất năm 2016 không bao gồm doanh thu từ VINAKIP;
- Tháng 6/2016, GELEX đã thoái vốn khỏi Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương, doanh thu hợp nhất của GELEX không bao gồm doanh thu của Bơm Hải Dương từ thời điểm này;

Tổng doanh thu thuần hợp nhất 9 tháng năm 2017 đạt 8.668 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ năm 2016 là do các nguyên nhân sau:

- 9 tháng đầu năm 2017 THIBIDI là công ty con của GELEX nên doanh thu được hợp nhất trên BCTC;
- Tháng 5/2017, Tỷ lệ sở hữu của GELEX tại VINAKIP tăng từ 49,2% lên 72,15% nên doanh thu từ tháng 06/2017 được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của GELEX trong khi đó doanh thu 9 tháng đầu năm 2016 không bao gồm doanh thu VINAKIP;
- Tháng 12/2016, GELEX thành lập công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX, nên doanh thu hợp nhất 9 tháng năm 2017 bao gồm doanh thu tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX;
- Tháng 03/2017, SOTRANS trở thành công ty con do GELEX sở hữu 51,03% nên doanh thu hợp nhất 9 tháng năm 2017 bao gồm doanh thu của SOTRANS;
- Tháng 07/2017, VIHEM chuyển đổi từ công ty liên kết sang công ty con của GELEX, do đó doanh thu hợp nhất của GELEX 9 tháng đầu năm bao gồm doanh thu từ tháng 07/2017 của VIHEM.

6.2.3 Cơ cấu lợi nhuận gộp của GELEX năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017
Bảng 21: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Diễn giải	Năm 2015			Năm 2016			Tăng/ giảm LNG năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017		
	LNG (triệu VND)	Tỷ trọng g (%)	LNG / DTT (%)	LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LNG / DTT (%)		LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp / DTT (%)
LNG bán hàng hóa, thành phẩm	194.099	92,11	14,89	149.190	88,50	12,09	-23,14	15.060	39,46	0,92
LNG cung cấp dịch vụ	16.620	7,89	35,74	19.383	11,50	35,04	16,62	23.103	60,54	47,99
Tổng cộng	210.719	100	15,61	168.573	100	13,08	-20	38.163	100	2,27

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015, 2016 và BCTC (mẹ) quý 3/2017 của GELEX

Lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2016 đạt 168,57 tỷ đồng giảm 20% so với 210,7 tỷ đồng năm 2015, là do: Sau khi tái cấu trúc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 01/08/2016, Tổng công ty không còn thực hiện hoạt động sản xuất. Hoạt động sản xuất được tách ra từ 01/09/2016, do công ty con là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện được thực hiện.

Lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2017 chỉ đạt 38 tỷ đồng do Công ty mẹ đã không còn thực hiện hoạt động sản xuất. Hoạt động sản xuất được tách ra từ 01/09/2016, do công ty con là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện thực hiện.

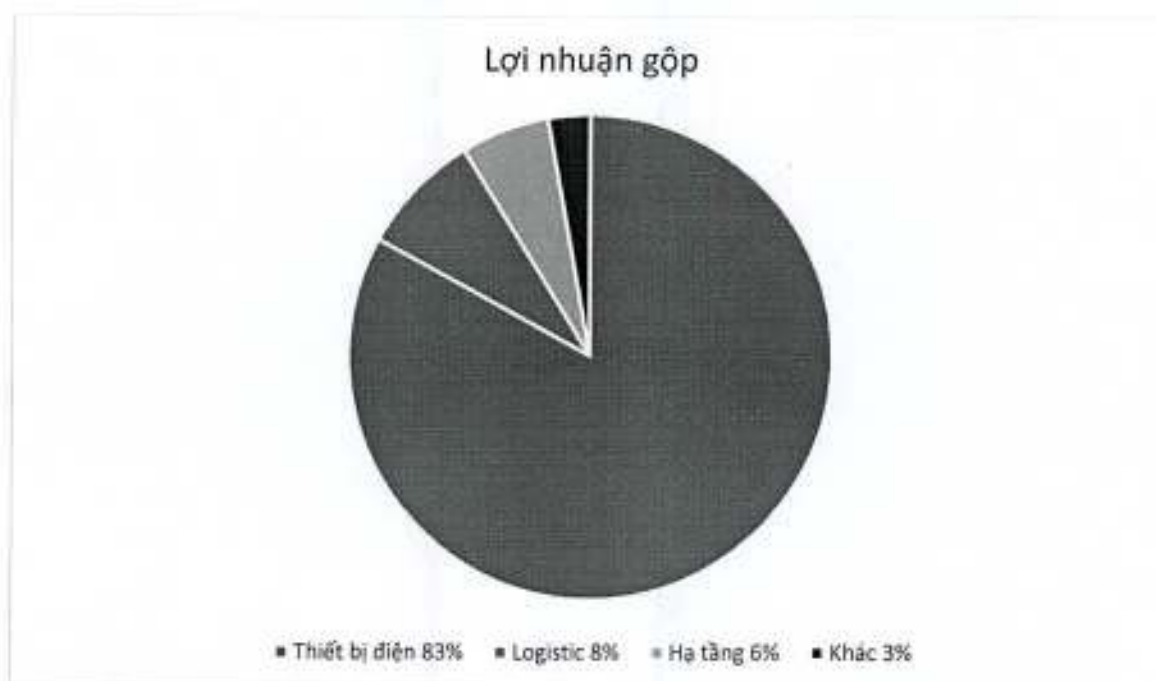
Bảng 22: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Diễn giải	Năm 2015			Năm 2016			% Tăng/ giảm LNG năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017		
	LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)	LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)		LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/ DTT (%)
LNG bán hàng hóa,	1.038.163	93,85	12,66	918.885	94,90	12,88	-11,49	1.187.367	82,34	15,33

Diễn giải	Năm 2015			Năm 2016			% Tăng/ giảm LNG năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017		
	LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)	LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)		LNG (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/ DTT (%)
thành phẩm										
LNG cung cấp dịch vụ, hợp đồng xây dựng	68.005	6,15	36,74	49.363	5,10	30,13	-27,41	168.770	11,70	21,87
LNG Bán điện								85.878	5,96	62,80
Tổng cộng	1.106.168	100	13,20	968.247	100	13,27	-12,47	1.442.015	100	16,64

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và BCTC (hợp nhất) Quý 3/2017 của GELEX

Hình 12: Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo ngành hàng 9 tháng đầu năm 2017



Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2016 đạt 968 tỷ đồng giảm 12,47% so với 1.106 tỷ đồng năm 2015 là do:

- Do tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ (sản xuất) thường cao hơn các hoạt động khác. Năm 2016 Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh thấp hơn năm 2015 (đã trình bày phía trên) nên Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2016 giảm so với năm 2015.

Lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2017 đạt 1.442 tỷ đồng tăng 95,47% so với 737 tỷ cùng kỳ năm 2016 do:

- Tỷ trọng Lợi nhuận gộp trên doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ cao hơn các hoạt động khác. 9 Tháng năm 2017 Doanh thu thuần hợp nhất từ hoạt động sản xuất kinh doanh cao hơn cùng kỳ năm 2016 (đã trình bày phía trên) nên Lợi nhuận gộp hợp nhất 9 tháng năm 2017 tăng lên so với cùng kỳ năm 2016.

6.3 Nguyên vật liệu

Trước khi thực hiện việc tái cấu trúc để GELEX đang hoạt động dưới mô hình Công ty mẹ - nắm giữ vốn đầu tư tại các công ty con. Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam là một trong những đơn vị đầu ngành sản xuất thiết bị điện.

Các nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất của Tổng Công ty bao gồm:

Dây điện tử, vật liệu cách điện, dây đồng, thép... các nguyên vật liệu này chủ yếu được cung cấp bởi các nhà cung cấp trong nước. Các sản phẩm thiết bị đo điện của GELEX đều sử dụng các nguyên nhiên vật liệu phổ biến, nên nguồn cung cấp tại Việt Nam hiện tại đều sẵn có và dồi dào, do đó có tính ổn định cao.

Đến tháng 8/2016, GELEX đã chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất thiết bị điện cho công ty con là công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thiết bị đo điện, do đó, hoạt động kinh doanh của riêng Công ty mẹ không còn chịu ảnh hưởng của biến động về các nguyên vật liệu đầu vào nêu trên.

Tuy nhiên, GELEX hỗ trợ các Đơn vị thành viên trong hệ thống GELEX giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm bằng cách triển khai kế hoạch mua sắm tập trung vật tư nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh cho các Đơn vị thành viên, mua sắm lô lớn để có giá mua và điều kiện thương mại tốt nhất. Các loại nguyên vật liệu chính Tổng công ty đang thực hiện việc mua sắm tập trung chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài như đồng và thép lá silic... Các biến động liên quan đến giá đồng, và thép lá silic sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty TNHH MTV Thiết bị điện, qua đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của GELEX. Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực về biến động giá của các nguyên vật liệu này, Công ty TNHH MTV Thiết bị điện duy trì mức tồn kho hợp lý, đảm bảo cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.4 Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 23: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2015, 2016, và 9 tháng đầu năm 2017

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng đầu năm 2017	
		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng trên doanh thu (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng trên doanh thu (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng trên doanh thu (%)
1	Giá vốn hàng bán	1.139.357	84,39	1.120.538	86,92	1.640.102	97,73
2	Chi phí tài chính	972	0,07	34.756	2,70	150.832	8,99
3	Chi phí bán hàng	20.560	1,52	22.490	1,74	(10.719)	(0,64)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	62.163	4,60	46.237	3,59	38.721	2,31
	Tổng cộng	1.223.053	90,59	1.224.021	94,95	1.818.935	108,38

Nguồn: BCTCKT mẹ năm 2015, 2016 và BCTC (công ty mẹ) Quý 3/2017 của GELEX
 GELEX thay đổi về cơ cấu tổ chức, tách phần sản xuất thiết bị điện từ Công ty mẹ xuống công ty con là GELEX EMIC tại thời điểm 9/2016, do đó cơ cấu chi phí phản ánh trên báo cáo công ty mẹ cũng có sự thay đổi rõ rệt trong năm 2017.

Bảng 24: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng đầu năm 2017	
		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng trên doanh thu (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng trên doanh thu (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng trên doanh thu (%)
1	Giá vốn hàng bán	7.276.540	86,80	6.328.866	86,73	7.226.516	83,36
2	Chi phí tài chính	130.345	1,56	75.035	1,03	306.232	3,53
3	Chi phí bán hàng	201.091	2,40	148.661	2,04	186.245	2,15
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	338.748	4,04	253.579	3,48	374.199	4,32
	Tổng cộng	7.946.724	94,80	6.806.141	93,27	8.093.193	93,36

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và BCTC hợp nhất Quý 3/2017 của GELEX

GELEX duy trì tổng mức chi phí chiếm khoảng 93 đến 94% tổng doanh thu, mang lại mức lợi nhuận trước thuế cho Công ty khoảng 6 – 7%. Đây là mức lợi nhuận trung bình so với những công ty tương tự. Dự kiến trong tương lai, mức lợi nhuận của GELEX có thể được cải thiện nhờ việc cải tổ gọn nhẹ bộ máy quản lý, hỗ trợ giữa các công ty trong cùng tập đoàn hoạt động trong cùng lĩnh vực, đầu tư vào những công nghệ sản xuất mới.

6.5 Trình độ công nghệ

Với mục tiêu trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu, GELEX luôn đề cao các ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Lĩnh vực công nghiệp

Công nghệ mà GELEX hướng tới là các công nghệ tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Mục tiêu này phản ánh qua các sản phẩm mà các Công ty con của GELEX đưa ra thị trường.

❖ Dây và cáp điện

Với bề dày kinh nghiệm sản xuất kinh doanh hàng chục năm trong ngành sản xuất dây cáp điện, và luôn nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào trong quá trình sản xuất kinh doanh, hiện nay, công nghệ sản xuất sản phẩm của CADIVI rất tiên tiến và hiện đại, sử dụng PLC & PC trong quá trình kiểm soát các thông số kỹ thuật trong sản xuất ở mức tự động hóa cao, đảm bảo sự ổn định và chất lượng sản phẩm làm ra đạt tiêu chuẩn.

Công nghệ sản xuất của CADIVI sản xuất được các sản phẩm phức tạp đáp ứng được nhu cầu của thị trường thay thế cho các sản phẩm ngoại nhập ngoại như: Cáp ngầm trung thế, cáp chống thấm, cáp chống cháy – Flame Retardant và không sinh ra khí độc hại – Halogen Free, cáp có tiết diện lớn, dây điện từ làm việc ở nhiệt độ cao ...

CADIVI đã từng bước kết hợp cải tiến với đầu tư chọn lọc, đổi mới dây chuyền thiết bị đồng bộ, theo hướng rút ngắn công nghệ, hiện đại hóa qua hàng loạt các dự án như: Dự án đầu tư thiết bị để chuyển đổi công nghệ, nâng cao năng lực và mở rộng sản xuất; Dự án đầu tư thiết bị xây dựng Nhà máy sản xuất dây điện ô tô; Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế, hạ thế và điện tử. Đồng thời, Công ty cũng trang bị thêm hàng loạt thiết bị công nghệ thế hệ mới sử dụng PLC cho hệ thống điều khiển tự động như Máy tráng men, Máy xoắn 18+24, Máy xoắn cao tốc, Máy xoắn xi gá, Máy kéo trung ứ liên tục, Máy kéo nhỏ, Máy tạo hạt PVC, PK400, Máy bọc thu cuộn và bao gói tự động, Máy kéo 8 đường.

Chất lượng sản phẩm của CADIVI đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế (JIS, IEC, UL, BS, AS, ASTM, DIN) và Việt Nam. Ngoài ra, hàng năm Công ty cũng áp dụng rất nhiều sáng kiến cải tiến có giá trị vào quá trình sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm cũng như uy tín của doanh nghiệp.

❖ Máy biến áp

Chất lượng máy biến áp với thương hiệu THIBIDI ngày càng được khẳng định trên thị trường nội địa và các nước trong khu vực Đông Nam Á. Trong thời gian qua, THIBIDI đã thực hiện nhiều cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, gia công những sản phẩm mới, tăng lợi thế cạnh tranh cho công ty, cụ thể:

- Thiết kế và chế tạo dây Máy biến áp 1 pha và 3 pha sử dụng vật liệu mới lõi tole vô định hình (Amorphous), Không ngừng cải tiến công nghệ, thiết kế nhiều giá lắp phục vụ cho công nghệ gia công lõi tole Amorphous.
- Đầu tư và ứng dụng máy cắt Laser và máy chấn tole CNC để thiết kế chế thử thêm sản phẩm vỏ trạm hợp bộ Kiosk, phục vụ thị trường trong nước và thị trường Cambodia.
- Đầu tư mới các thiết bị thử nghiệm đáp ứng yêu cầu kiểm tra máy biến áp xuất khẩu.

- Trang bị và đưa vào sử dụng buồng sơn nước ở Xưởng Vỏ, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, an toàn cho người lao động.

Bảng 25: Công nghệ sản xuất của THIBIDI

Tên Công nghệ sản xuất	Nguồn gốc	Thời điểm áp dụng
Công nghệ sản xuất mạch từ:		
- Lõi tole cắt cuốn	Canada	Tháng 6/2006
- Lõi tole cắt xếp	Đức	Tháng 4/2004
- Lõi tole amorphous	Nhật Bản	Tháng 10/2015
Công nghệ Sản xuất vỏ máy cánh tự giãn nở		
- Máy ép cánh xếp	Trung Quốc	Tháng 8/2010
- Máy hàn cánh tản nhiệt	Italia	Tháng 11/2010
Công nghệ phun sơn và làm sạch vỏ thùng		
- Hệ thống phun bi và làm sạch tự động	Thái Lan – Singapore	Tháng 4/2004
Công nghệ chế tạo cuộn dây đồng lá 2 lớp	Đức – Trung Quốc	Tháng 11/2009
Công nghệ hút nẹp dầu trong môi trường chân không	Nhật – Việt Nam	Tháng 7/2001
Công nghệ sản xuất Máy hợp bộ	Hợp tác với Cooper – Mỹ	Năm 2006
Công nghệ sản xuất máy biến áp khô	Hợp tác với GE – Mỹ	Năm 2009

Nguồn: Bản cáo bạch THIBIDI 2016

❖ Động cơ điện, máy phát điện

Các sản phẩm động cơ điện, máy phát điện của HEM và VIHEM đa dạng về chủng loại, có hiệu suất cao, mô men mở máy khỏe, kiểu dáng và hình thức đẹp. Các sản phẩm được sản xuất trên dây truyền công nghệ hiện đại hàng đầu Việt Nam như máy gia công CNC, máy đúc áp lực cao, hệ thống quản lý dây tự động....

❖ Thiết bị đo điện

Các sản phẩm công tơ điện tử, máy biến dòng, máy biến áp của GELEX-EMIC được sản xuất trên dây truyền đồng bộ, hiện đại với một số công nghệ tiêu biểu bao gồm: công nghệ đúc epoxy chân không..... Trong năm

qua, GELEX EMIC đã nghiên cứu, sản xuất thành công các loại công tơ điện tử 1 pha, 3 pha thông minh đa chức năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của ngành điện với các sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng phê duyệt mẫu, được lắp đặt thử nghiệm trên lưới điện.

Lĩnh vực logistics

Hệ thống SOTRANS có hạ tầng công nghệ thông tin tương đối hoàn chỉnh cùng với các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm quản lý dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng. SOTRANS sử dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động kinh doanh như: phần mềm kế toán KTSYS; phần mềm khai báo thuế, phần mềm khai Hải quan - eCus; quản lý nhân sự; quản trị kho bãi WMS; phần mềm e-Booking, quản trị vận tải WMS, nghiệp vụ đại lý vận tải quốc tế; quản trị quan hệ khách hàng CRM, phần mềm theo dõi đơn hàng tracking & tracing. Hệ thống website được cập nhật liên tục. Hiện nay SOTRANS đang tiến hành nâng cấp toàn diện website nhằm nâng cao khả năng tương tác với người dùng, mở rộng các ứng dụng trên website giúp khách hàng có thể cập nhật thông tin đơn hàng qua hệ thống tracking & tracing, cập nhật lịch đến/đi của các hãng tàu, hãng hàng không giúp khách hàng chủ động hơn trong việc hoạch định thời gian xuất/nhập hàng hóa.

Lĩnh vực hạ tầng

Các công trình thủy điện đã đầu tư sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, quản lý bằng phần mềm, tự động hóa toàn bộ trong quá trình sản xuất. Đồng thời với đó, GELEX đang phát triển các dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, cụ thể là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

Hoạt động tại Tổng Công ty

Để thực hiện việc quản trị công ty, Gelex đang ứng dụng phần mềm quản lý SAP (Systems Applications and Products in Data Processing) – một trong những hệ thống quản trị doanh nghiệp hàng đầu vào trong công tác quản trị. GELEX thường xuyên kiểm soát hoạt động của các công ty con qua các báo cáo hàng tháng và hàng quý.

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động phát triển sản phẩm mới luôn được chú trọng thực hiện ở các công ty con và công ty liên kết. Các hướng nghiên cứu phát triển mới sản phẩm như sau:

Lĩnh vực công nghiệp

Với mục tiêu đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm hướng tới tạo gia các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chủng loại đa dạng, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Cụ thể trong các ngành hàng công nghiệp chủ lực như sau:

❖ Dây và cáp điện

Năm 2016, CADIVI đã triển khai sản xuất thử thành công các sản phẩm: Cáp Hybride; cáp trung thế treo không có vỏ bọc, có điện áp thử phù hợp IEC 60502-2; cáp hàn, dây nối dài, cáp ô tô cách điện PVC... Bên cạnh đó, CADIVI đang triển khai thử nghiệm và tìm kiếm các nguồn nguyên liệu phù hợp với các sản phẩm, cáp nhôm lõi composite ACCC, cáp hợp kim nhôm, cáp ngầm trung thế chậm cháy MV/FRT; nghiên cứu cấu tạo, hệ thống thiết bị sản xuất cáp ngầm cao thế đến 220KV.

❖ Máy biến áp

THIBIDI không ngừng nghiên cứu cải tiến và hoàn chỉnh thiết kế, tiết kiệm vật tư; thực hiện tốt thiết kế đáp ứng kịp thời các đơn hàng và các hồ sơ thầu trong nước và ngoài nước. Đầu tư, cải tạo và mua mới nhiều thiết bị công nghệ, phương tiện nhằm phục vụ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động:

- Nghiên cứu cải tiến và hoàn chỉnh thiết kế để ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư cho các máy biến áp hàng nền tiêu chuẩn ĐLMN-2608; ĐL.TPHCM-797.
- Thiết kế chế tạo thành công và đưa vào sản xuất hàng loạt dây máy biến áp hiệu suất cao 3 pha công suất 100kVA đến 2500kVA và 1 pha công suất 15kVA đến 100kVA. Đây là hướng phát triển quan trọng, đi đầu trong việc tạo ra sản phẩm mới tiết kiệm năng lượng, tạo lợi thế dẫn đầu về sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm máy biến áp siêu giảm tổn thất một cách hiệu quả. Xu hướng sử dụng máy biến áp siêu giảm tổn thất ngày càng lớn của khách hàng tạo cơ hội để THIBIDI phát triển sản xuất.

❖ Động cơ điện, máy phát điện

Hiện nay, HEM đang được Bộ Khoa học và Công nghệ giao chủ trì đề tài nghiên cứu thiết kế và công nghệ phát triển dây động cơ điện hiệu suất cao IE2, công suất đến 30KW, dự kiến hoàn thành trong năm 2017. Đồng thời HEM cũng đang chủ động phát triển toàn dây động cơ tới chiều cao tâm trục đến 355mm, theo mức hiệu suất IE2.

VIHEM đang triển khai thực hiện dự án cấp Nhà nước về nghiên cứu, thiết kế và hoàn thiện công nghệ chế tạo động cơ điện phòng nổ có công suất từ 55kW đến 630kW; đã thiết kế, chế tạo và đưa ra thị trường các loại động cơ điện chống cháy 2 tốc độ: 4/12kW-1000/1500vg/ph, 8,5/17kW-1000vg/ph; tiếp tục cải tiến các chủng loại động cơ phòng nổ đáp ứng nhu cầu của ngành khai thác hầm lò.

❖ Thiết bị đo điện

Công tác kỹ thuật, nghiên cứu cải tiến sản phẩm đang sản xuất tại GELEX EMIC đã được quan tâm và chú trọng theo hướng ổn định chất lượng, nâng cao năng suất, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong sản xuất.

Công tác nghiên cứu thiết kế sản phẩm công tơ điện tử thông minh đã có những bước tiến quan trọng, bước đầu đáp ứng yêu cầu đặt ra của công tác kinh doanh. Hiện nay, GELEX EMIC đã hoàn thiện được công nghệ để sản xuất các loại công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha cùng hệ thống thu thập dữ liệu tự động HES.

Lĩnh vực hạ tầng

- Đầu tư vào lĩnh vực nguồn phát điện theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua, tập trung vào thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời.
- Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, cùng với điện năng, đây là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

Lĩnh vực logistics

- Hệ thống SOTRANS là đầu mối và thương hiệu chính trong hoạt động kinh doanh logistics của GELEX. Phát triển SOTRANS thành doanh nghiệp với chuỗi logistics khép kín, đủ các dịch vụ như dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải, lưu kho, lưu bãi, cảng biển, cảng hàng không...

- Đầu tư trọng điểm để hình thành hệ thống tài sản kho bãi, cầu cảng, ICD tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đặc biệt là 2 vùng sản xuất lớn là khu vực Hà Nội – Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh – Bà Rịa - Vũng Tàu. Đối với lĩnh vực vận tải, tập trung vào vận tải đường thủy, phát triển đội xà lan mạnh.
- Hướng tới mục tiêu lọt vào top 3 doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam

Lĩnh vực bất động sản

- Tập trung phát triển dự án tại các vị trí thuận lợi có sẵn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Tập trung phát triển mảng sản phẩm khách sạn và văn phòng cho thuê.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ của các công ty con chính là yếu tố đảm bảo sức mạnh thương hiệu của GELEX, Do đó, công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ luôn được GELEX và các công ty con coi trọng và thực hiện đầy đủ theo đúng quy trình.

Lĩnh vực công nghiệp

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao thông qua các giải pháp công nghệ hiện đại, công tác quản lý chất lượng luôn luôn được GELEX đặt lên hàng đầu, thể hiện qua các ngành hàng cụ thể như sau:

❖ Dây và cáp điện

CADIVI là nhà sản xuất dây cáp điện đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 9002:1994 vào năm 1998, chuyển đổi sang ISO 9001:2000 năm 2002 và ISO 9001:2015 hiện nay. Bên cạnh đó, CADIVI 21 năm liên tục đạt Danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao".

Để đạt được những thành tựu kể trên, CADIVI thực hiện:

- Kiểm soát vật tư đầu vào tuân thủ theo các thủ tục của hệ thống QLCL ISO 9001:2008 đã ban hành;
- Áp dụng phần mềm BFO trong việc quản lý chất lượng vật tư đầu vào;
- Thực hiện lấy mẫu kiểm tra, thử nghiệm điển hình định kỳ các sản phẩm tại các đơn vị; thực hiện PKI trong chương trình BSC;
- Biên soạn ban hành và triển khai 38 Hướng dẫn Kiểm soát chất lượng cho các gói thầu và các sản phẩm mới;
- Áp dụng các chứng nhận sản phẩm: Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; Chứng nhận CE; Chứng nhận PSE; Chứng nhận SAA.

❖ Máy biến áp

THIBIDI áp dụng phương pháp quản lý chất lượng toàn diện (TQM), theo đó quan điểm của THIBIDI khi áp dụng hệ thống toàn diện là công tác quản lý và cải tiến mọi khía cạnh có liên quan đến chất lượng và huy động sự tham gia của mọi bộ phận và mọi cá nhân để đạt được mục tiêu chất lượng đã đặt ra. Các nguyên tắc chính của THIBIDI áp dụng là:

- Chất lượng định hướng bởi khách hàng
- Vai trò lãnh đạo trong công ty
- Cải tiến chất lượng liên tục

- Tính nhất thể, hệ thống
- Sự giám gia của mọi cấp, mọi bộ phận, nhân viên
- Sử dụng các phương pháp tư duy khoa học như kỹ thuật thống kê, vừa đúng lúc...

Bộ phận kiểm tra chất lượng vận hành theo hệ thống quản lý tích hợp các tiêu chuẩn và công cụ năng suất, chất lượng như ISO 9001, ISO/IEC 17025, TQM, KAIZEN, LEAN, 5S.

❖ **Động cơ điện, máy phát điện**

- Hệ thống Quản lý chất lượng của HEM theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã được cập nhật phiên bản mới nhất Kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng, từ vật tư đầu vào tới sản phẩm hoàn thiện đầu ra.
- Sản phẩm động cơ điện của VIHEM được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC 60034, TCVN 1987- 1994; công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008.

❖ **Thiết bị đo điện**

Công tác quản lý chất lượng tại GELEX EMIC cơ bản hoàn thành hai nhiệm vụ sau:

- Duy trì và đảm bảo tính pháp lý của các sản phẩm trên thị trường: Các sản phẩm được cấp mới hoặc gia hạn hiệu lực các chứng chỉ phê duyệt mẫu; duy trì, đảm bảo chất lượng và tính pháp lý của các thiết bị đo kiểm sử dụng trong phòng thí nghiệm cũng như các thiết bị đo kiểm sử dụng kiểm tra chất lượng bán thành phẩm và thành phẩm trên dây truyền sản xuất theo đúng quy định của Luật đo lường.
- Giám sát, kiểm tra, đảm bảo chất lượng trong các công đoạn sản xuất và sản phẩm cuối cùng, bao gồm giám sát chất lượng chi tiết vật tư mua ngoài và chất lượng bán thành phẩm và thành phẩm trong quá trình sản xuất.

Lĩnh vực logistics

Trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, SOTRANS là hội viên của các tổ chức quốc tế như Hiệp hội giao nhận vận tải quốc tế (FIATA), Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), Hiệp hội Giao nhận kho vận Việt Nam (VIFASS). Các hoạt động của SOTRANS luôn tuân theo tiêu chuẩn chất lượng của FIATA, IATA.

Mục tiêu hướng tới trong giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục áp dụng và hoàn thiện hệ thống ISO 9001:2000.
- Áp dụng hệ thống ISO 1400:2000.
- Ứng dụng mô hình Tracking & Tracing để kiểm soát tiến độ làm hàng và cung cấp thông tin kịp thời cho khách hàng.
- Tiếp tục tiên phong trong lĩnh vực khai quan điện tử tại Việt Nam.

Lĩnh vực Hạ tầng

Việc vận hành tại các nhà máy thủy điện luôn được tuân thủ theo các quy trình chặt chẽ, từ việc sản xuất đến bảo trì, bảo dưỡng các tổ máy nhằm đảm bảo việc sản xuất điện được ổn định, liên tục.

Lĩnh vực Bất động sản

Các công trình xây dựng của GELEX được thi công, giám sát thi công tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về xây dựng theo quy định hiện hành. Để tăng sự chuyên nghiệp, đáp

ứng tiêu chuẩn của tòa nhà văn phòng hạng A, GELEX đã ký hợp đồng dịch vụ quản lý bất động sản với CBRE nhằm quản lý Tòa nhà GELEX TOWER.

Lĩnh vực Đầu tư

Hoạt động đầu tư tại Công ty mẹ được thực hiện đúng quy trình, được thẩm định và giám sát chặt chẽ bởi các bộ phận có liên quan để đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và hiệu quả của dự án đầu tư.

6.8 Hoạt động Marketing

Tổng Công ty tập trung xây dựng thương hiệu GELEX trở thành một thương hiệu của một Tập đoàn kinh tế mạnh, xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu mạnh cho mỗi nhóm sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty theo hướng chọn lọc, phát triển có trọng tâm, không dàn trải, cụ thể:

Lĩnh vực công nghiệp

- Đối với ngành hàng dây và cáp điện: CADIVI đã và đang dẫn đầu định vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện hàng đầu Việt Nam. Đối với thị trường nội địa, ngoài thị trường trọng điểm là Miền Nam, CADIVI đang đẩy mạnh triển khai mở rộng thị trường Miền Trung, Miền Bắc và Tây Nguyên. Đối với thị trường xuất khẩu, hiện tại CADIVI đang đẩy mạnh hoạt động bán hàng sang thị trường Mỹ, Campuchia, Myanmar, xúc tiến tiếp cận thị trường Úc và Nhật Bản. CADIVI đã xây dựng được hệ thống phân phối gần 200 đại lý trải rộng khắp trên toàn quốc. Hoạt động tiếp thị và phát triển thị trường thông qua các hình thức chính như: tham dự các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước, phát triển mối quan hệ với các nhà phân phối lớn tại mỗi thị trường...
- Đối với ngành hàng máy biến áp: THIBIDI tăng cường củng cố và ổn định thị trường truyền thống là khu vực thị trường Miền Nam và Miền Trung, đẩy mạnh phát triển thị trường Miền Bắc. Đối với thị trường xuất khẩu, THIBIDI đẩy mạnh công tác xuất khẩu sang thị trường Campuchia, tiếp cận thị trường Lào, Myanmar.
- Đối với ngành hàng động cơ điện: HEM và VIHEM vẫn củng cố và ổn định thị trường truyền thống là khu vực phía Bắc, công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối để phát triển thị trường tiêu thụ trên phạm vi toàn quốc.
- Đối với ngành hàng thiết bị đo điện: Khách hàng chủ lực của ngành hàng thiết bị đo điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. GELEX EMIC luôn bám sát các kế hoạch đầu tư, đấu thầu mua sắm của EVN và các đơn vị thành viên.
- GELEX đang có kế hoạch rà soát, sắp xếp lại hệ thống bán hàng hiện tại của các đơn vị thành viên, hướng tới phát triển hệ thống đại lý bán hàng mạnh cho toàn bộ các nhóm sản phẩm. Việc bán hàng qua đại lý sẽ là nòng cốt và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong việc tiêu thụ sản phẩm. Phát triển hệ thống đại lý bán hàng phân phối tổng thể toàn bộ các sản phẩm của hệ thống GELEX.

Lĩnh vực logistics

Hệ thống SOTRANS thực hiện đồng bộ chiến lược Marketing Mix và truyền thông thương hiệu, cụ thể:

- Sản phẩm: Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm dịch vụ do SOTRANS cung ứng. Phát triển thêm nhiều sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Giá cả: Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, bên cạnh đó SOTRANS luôn tối ưu hóa chi phí, đảm bảo cung cấp cho khách hàng dịch vụ với mức giá hợp lý, cạnh tranh.
- Phân phối: Hệ thống phân phối ngày càng được mở rộng, thông qua việc thành lập các chi nhánh trên toàn quốc. Một số phương pháp đã được áp dụng để đưa dịch vụ của Hệ thống SOTRANS đến gần khách hàng

hơn, nâng cao hiệu quả kênh phân phối là hình thức văn phòng trong văn phòng, nhân viên của hệ thống SOTRANS cũng là nhân viên của khách hàng...

- Khuyến thị: Thường xuyên có chương trình hỗ trợ khách hàng trong các hoạt động dịch vụ như ưu đãi giá cước, Thường xuyên tổ chức hội nghị khách hàng. Thực hiện quảng bá thương hiệu SOTRANS trên các báo, tạp chí chuyên ngành như Diễn Đàn Doanh Nghiệp, Vietnam Logistics Review, Vietnam Shipper, Thời báo Kinh tế Sài Gòn. Tham gia hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo chuyên ngành và một số ngành có liên quan. Tham gia và đoạt các giải thưởng uy tín như Thương hiệu mạnh Việt Nam, Sao Vàng Đất Việt. Quảng cáo trực tuyến trên các website: Thuonghieuviet, VCCI, Hiệp hội đa giầy, điều, dệt may nâng cao mức độ nhận diện và thiện cảm của khách hàng đối với thương hiệu SOTRANS.

Lĩnh vực Hạ tầng

Đặc thù sản phẩm của các công ty thành viên của GELEX trong lĩnh vực hạ tầng (điện) là cung cấp cho một người mua độc quyền duy nhất – EVN; do đó, các công ty thành viên không thực hiện các hoạt động marketing trong lĩnh vực này.

Lĩnh vực Bất động sản

Hoạt động marketing của dịch vụ cho thuê văn phòng nói riêng và bất động sản nói chung được triển khai định kỳ nhằm quảng bá về chất lượng của dịch vụ tới các khách hàng hiện tại, đồng thời triển khai một số hoạt động hợp tác với các đối tác liên quan nhằm tiếp cận khách hàng tiềm năng, nhằm tối ưu chi phí và tăng cường hiệu quả kinh doanh.

Lĩnh vực Đầu tư

Lĩnh vực Đầu tư là việc chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư, do đó, GELEX không thực hiện hoạt động marketing cho lĩnh vực này.

6.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Tổng Công ty



Theo giấy đăng ký nhân hiệu số 194123 ngày 18/10/2012 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp

- Website của Tổng Công ty: www.gelex.vn

6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hoạt động kinh doanh trực tiếp được thực hiện bởi các đơn vị thành viên của GELEX. Các hợp đồng kinh tế được ký kết trực tiếp bởi các đơn vị thành viên với khách hàng, đối tác.

Bảng 26: Danh sách các hợp đồng lớn đầu ra đã được ký kết

TT	Hợp đồng	Khách hàng	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
1	47/HĐKT/GELEX-CADIVI-CFT	Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	Dây đồng Rod	05/2017-01/2018	Hợp đồng 47/HĐKT/GELEX-CADIVI-CFT là hợp đồng nguyên tắc, giá trị đã thực hiện từ 05/2017 đến 10/2017 là 255.408 triệu đồng
2	46-2017/Gelex-CAD-LS	Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	Đồng tấm Cathodes	05/2017-12/2017	Hợp đồng 46-2017/Gelex-CAD-LS là hợp đồng nguyên tắc, giá trị đã thực hiện từ 05/2017 đến 10/2017 là 472.407 triệu đồng
3	40-2017/Gelex-Thi-Hyosung	Công ty cổ phần Thiết bị điện	Thép Silic kỹ thuật điện	06/2017-08/2017	35.333
4	58-2017/Gelex-Thi-JFE	Công ty cổ phần Thiết bị điện	Thép từ tính	09/2017-06/2018	56.641
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (EMIC)					
	4728/2017/HĐ-EVN HCMC – GELEX EMIC	Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Công tơ điện tử	10/2017-04/2018	79.958
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)					
	KFW2-MV/LV-G02	Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	Máy biến áp	2017	108.659

Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)					
07/PCĐN-QLĐTh	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Máy biến thế	03/2017-05/2017	65.831	
Công ty CP Cấp điện Việt Nam (CADIVI)					
13-2017/SPMB-CADIVI/D5VTSMTU-G04-L04.5	Ban Quản lý Dự án Các CTĐ Miền Nam	Dây cáp điện	2017	66.688	
05-2017/SPMB-CADIVI/D5SMTU-G08	Ban Quản lý Dự án Các CTĐ Miền Nam	Dây cáp điện	2017	59.167	

Bảng 27: Danh sách các hợp đồng lớn đầu vào đã được ký kết

TT	Hợp đồng	Khách hàng	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng
1	LSNC-GELEX OS/LT 2017-001	LS Nikko Copper Inc	Đồng tấm Cathodes	05/2017-12/2017	Hợp đồng LSNC-GELEX OS/LT 2017-001 là hợp đồng nguyên tắc, giá trị đã thực hiện từ 05/2017 đến 11/2017 là 19.382.486,26 USD
2	57-2017/GELEX-JFE SHOJI	Công ty TNHH Thép JEE Việt Nam	Thép từ tính	09/2017-06/2018	2.240.000 USD
3	HSVN-GELEX-170322-01	Hyosung Corporation	Thép Silic kỹ thuật điện	06/2017-08/2017	1.521.000 USD
4	S194/2017	Sofia Med	Đồng đồ	11/2017-11/2018	704.870 USD

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 28: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2015 (triệu VND)	Năm 2016 (triệu VND)	% Tăng/ giảm của năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017 (triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	2.352.471	5.415.139	130,19	6.501.288
Vốn chủ sở hữu	1.955.047	2.088.404	6,82%	3.490.324
Doanh thu thuần	1.350.076	1.289.111	-4,52	1.678.265
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.719	168.573	-20	38.163
Doanh thu hoạt động tài chính	156.149	270.008	72,92	390.562
Chi phí tài chính	971	34.756	3479,40	150.832
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	283.174	335.098	18,34	249.893
Lợi nhuận khác	(23)	(1.089)	-4634,78	(1.109)
Lợi nhuận trước thuế	283.151	334.009	17,96	248.784
Thuế TNDN	33.499	28.503	-14,91	-
Lợi nhuận sau thuế	249.652	305.507	22,37	248.784
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	62%	76%	22,5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,13	0,15	14,56	0,07

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Đối với kết quả kinh doanh của Công ty mẹ: Trong năm 2016, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 1.289 tỷ đồng và 305 tỷ đồng, tương ứng giảm 4,52% và tăng 22,37% so với năm 2015 do các nguyên nhân sau: Tháng 09/2016 GELEX thực hiện tái cấu trúc lại công ty theo Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCBĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 ngày 01/08/2016; theo đó công ty mẹ thực hiện chức năng đầu tư và quản lý phần vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết; tách mảng sản xuất thiết bị đo điện thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện. Vì vậy, doanh thu thuần tại công ty mẹ năm 2016 giảm so với năm 2015. Tuy nhiên, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty thành viên tăng nên lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2016 tăng so với năm 2015.

9 tháng đầu năm 2017, Công ty mẹ đạt 1.678 tỷ doanh thu thuần tăng 50,79% so với cùng kỳ năm 2016 và 248,78 tỷ lợi nhuận sau thuế tương ứng giảm 6,11% so với 9 tháng năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do: công ty mẹ thực hiện mua sắm tập trung vật tư, nguyên vật liệu chính và bán lại cho các đơn vị thành viên trong hệ thống nên doanh thu thương mại 9 tháng năm 2017 tăng. Bên cạnh đó, 9 tháng đầu năm 2017 công ty mẹ không còn hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện nên không có lợi nhuận từ hoạt động này. Mặt khác, Tổng công ty còn phải chịu chi phí lãi vay từ phát hành trái phiếu để đầu tư vào các đơn vị thành viên.

Bảng 29: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2015 (Triệu VND)	Năm 2016 (Triệu VND)	% Tăng/ giảm của năm 2016 so với 2015 (%)	9 tháng đầu năm 2017 (Triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	4.917.504	8.785.146	78,65	13.350.368
Vốn chủ sở hữu	2.993.289	3.276.743	9,47	6.234.282
Doanh thu thuần	8.382.707	7.297.113	-12,95	8.668.532
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.106.168	968.247	-12,47	1.442.015
Doanh thu hoạt động tài chính	130.147	247.495	90,17	724.000
Chi phí tài chính	130.345	75.035	-42,43	306.232
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	571.329	720.412	26,09	1.294.139
Lợi nhuận khác	3.074	(20.770)	-775,67	5.595
Lợi nhuận trước thuế	574.403	699.642	21,80	1.299.733
Lợi nhuận sau thuế	455.996	579.495	27,08	1.024.647
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	134.886	117.761	-12,70	444.340
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	321.110	461.735	43,79	580.307
Tỷ lệ trả cổ tức (%) (*)	10%	25%	150	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	48%	50%	4%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,15	0,18	16,09	0,16

Nguồn: BCTCKT (hợp nhất) năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 19/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/3/2016 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 21/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017

Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất: Trong năm 2016, doanh thu thuần của Tổng Công ty đạt hơn 7.297 tỷ đồng giảm 12,95% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 579 tỷ đồng tăng 27,08% so với năm 2015. Nguyên nhân giảm doanh thu thuần chính là do một số đơn vị gồm THIBIDI, Bơm Hải Dương, VINAKIP không còn là công ty con của GELEX nên không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của GELEX. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế tăng lên do doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất tăng, chủ yếu từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết.

9 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần hợp nhất đạt 8.668 tỷ đồng tăng 55% so với 9 tháng năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 1.024 tỷ đồng tương ứng tăng 104,26% so với cùng kỳ năm 2016. Do một số công ty liên kết như THIBIDI, VINAKIP, SOTRANS, VIHEM chuyển thành công ty con và GELEX thành lập mới Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX nên kết quả kinh doanh của các công ty này được hợp nhất báo cáo tài chính vào GELEX. Đồng thời, trong kỳ Tổng công ty cổ phần Đường sông Miền Nam có tiền lãi do thoái vốn Công ty liên doanh Keppel Land Watco là 525 tỷ

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo Thuận lợi

Đối với lĩnh vực công nghiệp

- Qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, trong lĩnh vực thiết bị điện, thương hiệu GELEX và các thương hiệu của từng ngành hàng đã và đang khẳng định và củng cố vị thế vững chắc của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhận được sự tin tưởng, ủng hộ của người tiêu dùng, đối tác cũng như các nhà đầu tư. Thị phần được giữ vững, quan hệ với các đối tác bạn hàng được giữ vững.
- Nhờ việc tái cấu trúc, năng lực sản xuất chung của toàn Tổng Công ty ngày càng tăng. Các sản phẩm có thể cung cấp trong lĩnh vực thiết bị điện ngày càng phong phú, và có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Đối với lĩnh vực hạ tầng: Tuy mới tham gia vào lĩnh vực này nhưng dự án thủy điện do GELEX tham gia có hiệu quả hoạt động tốt, đóng góp vào kết quả hoạt động chung của toàn Tổng Công ty.

Đối với lĩnh vực logistics

- Tình hình kinh tế hồi phục giúp cho nhu cầu đối với hoạt động logistics tăng lên
- Chuỗi dịch vụ khép kín của Hệ thống SOTRANS cũng như hệ thống kho bãi rộng lớn, cầu cảng tại các vị trí chiến lược giúp phục vụ tốt nhu cầu của khách hàng
- Với bề dày hoạt động và kinh nghiệm lâu năm, Hệ thống SOTRANS đã giành được sự tin nhiệm của khách hàng.

Đối với lĩnh vực bất động sản:

- Dịch vụ của GELEX đang không ngừng được cải tiến và nâng cao, giúp hấp dẫn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Khó khăn**Đối với lĩnh vực công nghiệp:**

- Kinh tế có phục hồi nhưng còn chậm làm ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ sản phẩm
- Giá cả vật tư cho sản xuất diễn biến phức tạp, giá kim loại biến động khó lường khiến cho hoạt động của các công ty con trong lĩnh vực thiết bị điện cần phải duy trì chính sách tồn kho hợp lý để giảm thiểu những rủi ro liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào và hàng tồn kho.
- Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh về giá. Tình hình hàng giả, hàng nhái có nhiều diễn biến phức tạp.

Đối với lĩnh vực hạ tầng, sự ảnh hưởng của yếu tố thời tiết sẽ làm ảnh hưởng đến sản lượng phát điện của dự án thủy điện đã phát và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án điện đang trong giai đoạn đầu tư.

Đối với lĩnh vực logistics:

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành đặc biệt là cạnh tranh về giá gây nhiều khó khăn trong hoạt động
- Các thay đổi trong chính sách của Nhà nước như cấm tải và hạn chế tải trọng trong vận chuyển đường bộ làm giá thành vận tải tăng cao, ảnh hưởng đến giá đầu vào của Hệ thống SOTRANS.

Đối với lĩnh vực bất động sản:

- Kinh tế có phục hồi nhưng còn chậm làm ảnh hưởng tới nhu cầu dịch vụ
- Nguồn cung tại các phân khúc khách sạn, căn hộ, văn phòng cho thuê, và mặt bằng bán lẻ gia tăng nhanh chóng tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh làm tăng sức ép cạnh tranh.

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**8.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành****Lĩnh vực công nghiệp**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam là một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu của ngành thiết bị điện Việt Nam, trong đó nổi bật là các ngành sản xuất kinh doanh dây cáp điện, máy biến áp phân phối, thiết bị đo điện trung hạ thế, động cơ điện, máy phát điện, thiết bị đóng cắt,... với những thương hiệu nhiều năm liền là thương hiệu quốc gia và có uy tín trên thị trường trong nước cũng như khu vực như: CADIVI, GELEX-EMIC, THIBIDI, HEM...

❖ Dây và cáp điện

CADIVI được thành lập từ những ngày đầu của năm 1975, trải qua nhiều giai đoạn phát triển với rất nhiều thách thức và nỗ lực, CADIVI đã vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các loại dây và cáp điện.

Các sản phẩm của CADIVI luôn đi kèm với chất lượng toàn diện với cam kết "Chất lượng luôn trung thực tuyệt đối với người tiêu dùng đi đôi với giá cả hợp lý". Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cũng như các tiêu chuẩn quốc tế như IEC, ASTM, UL, JIS, AS, BS, DIN... Đó là sự hội tụ của ba yếu tố cơ bản: Dẫn điện tốt; cách điện an toàn và tiết kiệm điện. Nhờ vào chất lượng tốt kết hợp quy mô sản xuất lớn cộng với giá bán hợp lý, các sản phẩm của CADIVI ngày càng được thị trường cả trong và ngoài nước ưa chuộng, được khách hàng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao trong 21 năm liên tục từ

1997 đến nay; đoạt Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia và hàng loạt giải thưởng khác. Đặc biệt, tháng 7 năm 2009, CADIVI đã vinh dự được nhận Giải nhất Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) ở cấp độ World Class dành cho doanh nghiệp sản xuất lớn. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một doanh nghiệp đạt giải nhất tại giải thưởng này. Điều đó cho thấy CADIVI đã nâng lên một tầm cao mới khẳng định thương hiệu Việt không chỉ tại thị trường nội địa mà còn vươn xa hơn, cạnh tranh được với thị trường thế giới. CADIVI không chỉ được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thay cho các sản phẩm ngoại nhập mà còn xuất khẩu vào các thị trường Mỹ, Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia và Brunei. Mục tiêu đến năm 2020, CADIVI sẽ từng bước trở thành một trong các nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu Đông Nam Á.

❖ Máy biến áp

THIBIDI là một trong những công ty sản xuất máy biến áp lớn nhất ở Việt Nam và nổi tiếng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Với kinh nghiệm quản lý, đội ngũ kỹ sư, chuyên viên giàu kinh nghiệm và lực lượng công nhân lành nghề, công ty không ngừng cải tiến sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đưa sản phẩm máy biến áp Việt Nam hội nhập với khu vực và quốc tế.

Công nghệ sản xuất máy biến áp của THIBIDI luôn đi đầu, điển hình là máy biến áp sử dụng lõi tole Amorphous, với những ưu thế so với các sản phẩm khác như:

- Giảm chi phí vận hành
- Giảm 70% tổn hao không tải
- Tiết kiệm điện năng
- Giảm lượng khí thải, thân thiện với môi trường

Nhờ đó, vị thế và thị phần máy biến áp của THIBIDI nổi bật trong lĩnh vực thiết bị điện: Theo ước tính, hiện tại thị phần của THIBIDI chiếm khoảng 35% toàn thị trường Việt Nam (trong đó, chiếm 72% tại thị trường Miền Nam và 70% tại thị trường miền Trung) và chiếm khoảng 50% tại thị trường Campuchia.

❖ Động cơ điện, máy phát điện

Với lịch sử thành lập và phát triển lâu dài, HEM và VIHEM vẫn luôn được đánh giá là nhà sản xuất uy tín tại Việt Nam.

- HEM đã được trao tặng nhiều huân, huy chương như: Huân chương Lao động hạng Nhất-Nhi-Ba, Huân chương Độc lập hạng Nhất-Nhi-Ba, Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, Cờ thi đua của Chính Phủ và nhiều giải thưởng như: Danh hiệu Sao Vàng Đất Việt và được tập đoàn Quốc tế SGS của Thụy Sĩ chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015.
- Sản phẩm của VIHEM được người tiêu dùng bình chọn là Sản phẩm người tiêu dùng ưa thích nhiều năm liền; được Tổng cục đo lường chất lượng nhà nước chứng nhận chất lượng hàng sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

❖ Thiết bị đo điện

Sản phẩm thiết bị đo điện thương hiệu GELEX- EMIC được chế tạo bởi đội ngũ công nhân tay nghề cao, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết bị điện. Các sản phẩm công tơ điện 1 pha, 3 pha loại cơ của EMIC đã nổi tiếng trên thị trường với hàng triệu công tơ được lắp đặt trên lưới điện Việt Nam (chiếm khoảng 95% thị phần công tơ cơ).

Năm 2015, ngành hàng thiết bị đo điện bắt đầu chịu áp lực mạnh từ sự sụt giảm nghiêm trọng đơn hàng về các loại công tơ cơ do ngành điện bắt đầu chấm dứt việc sử dụng công tơ cơ trên lưới điện để chuyển sang công tơ điện tử thông minh. Bất kịp xu thế đó, GELEX EMIC đã tập trung phát triển các sản phẩm công tơ điện tử thông minh; và bước đầu thành công trong việc giới thiệu sản phẩm công tơ điện tử, chứng minh năng lực sản xuất cũng như năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Từ chỗ chỉ chiếm 10% thị phần đến nay sản phẩm công tơ điện tử của GELEX EMIC đã chiếm khoảng 30%-40% thị phần.

Lĩnh vực hạ tầng

Các công ty thủy điện đang hoạt động và đang đầu tư dù nằm ở quy mô nhỏ và vừa, nhưng có những đóng góp nhất định trong vấn đề an ninh năng lượng, đồng thời mang lại dòng tiền đều và ổn định cho Tổng Công ty.

Lĩnh vực logistics

Hiện nay, trên thị trường có khoảng 1.000 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa trong đó có khoảng 20 công ty liên doanh với nước ngoài. Hệ thống SOTRANS chủ trương tập trung nâng cao chất lượng và dịch vụ, duy trì vị thế nhất định trên thị trường dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Chính vì vậy mặc dù trong giai đoạn khủng hoảng nhưng SOTRANS vẫn phát triển và duy trì được mức lợi nhuận ổn định trong khi nhiều công ty đã không duy trì được hoạt động kinh doanh.

- Đối với dịch vụ vận tải hàng không: Hệ thống SOTRANS phát triển mạnh trong những năm vừa qua và đang đứng thứ 4 trong Top 5 các đơn vị đại lý vận tải hàng không hàng đầu năm 2007 do tạp chí AIRCargo xếp hạng.
- Đối với dịch vụ vận tải đường biển: SOTRANS cạnh tranh trực tiếp với các công ty có tên tuổi như Vinalink, Transimex, Gemadept, Safi... và trong nhiều năm liền, SOTRANS được đánh giá là một trong các doanh nghiệp hàng đầu của ngành. Đặc biệt, trong những năm gần đây, SOTRANS đã tạo được thế đứng vững trong dịch vụ vận tải đường biển đi các khu vực Châu Âu và Mỹ.
- Đối với dịch vụ giao nhận vận tải và khai thác kho bãi: Đây là dịch vụ cốt lõi mà SOTRANS đã định hướng khai thác và phát triển thành dịch vụ chính từ trước đến nay. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm vào kho bãi, mở rộng chuỗi dịch vụ logistics. Đặc biệt trong thời gian tới SOTRANS sẽ đầu tư trang thiết bị, tổ chức Cảng thông quan nội địa – ICD SOTRANS với diện tích hơn 9 ha tại khu vực Thủ Đức để khẳng định vị thế của mình trong việc cung cấp các dịch vụ ICD và tiếp tục hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ.
- Hệ thống SOTRANS hiện đang dẫn đầu trong việc tiếp nhận hàng hóa nhập khẩu với uy tín lớn trên thị trường trong lĩnh vực hàng xá, hàng rời.
- Vietransimex – Công ty con của SOTRANS đứng vị trí số 01 Đông Nam Á và top 50 thế giới về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng với nhiều dự án vận chuyển đã được thực hiện.

Lĩnh vực bất động sản

GELEX và các công ty con đang có quyền sử dụng đất ở các vị trí đắc địa tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty thực hiện liên doanh liên kết với các đối tác có kinh nghiệm trong nghề để thực hiện phát triển các dự án này.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực công nghiệp

Ngành sản xuất thiết bị điện có tiềm năng phát triển tốt, đặc biệt là vấn đề tiêu thụ sản phẩm cả trong và ngoài nước.

Với thị trường trong nước, theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015 – 2025 ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị đường dây, trạm biến áp, 55% về động cơ điện, một số chủng loại máy phát điện thông thường và năm 2025 có thể sản xuất, cung ứng trọn bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp, 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và năm 2015 xuất khẩu đạt 30-35% giá trị sản xuất, đáp ứng 60 – 70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện và các hệ thống ghi đếm – giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện và xuất khẩu đạt 19-20% giá trị sản xuất, tập trung sản xuất các loại dây – cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35,5%/năm...

Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh các thị trường truyền thống, ngành sản xuất thiết bị điện cũng có tiềm năng lớn ở các thị trường lân cận là Lào và Campuchia. Với hai thị trường này, Việt Nam đã đạt được những cam kết dưới hình thức bản ghi nhớ, hiệp định hợp tác đầu tư phát triển lĩnh vực điện.

Lĩnh vực hạ tầng

Nước sạch và điện là hai nguồn năng lượng thiết yếu đối với hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân. Khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu đối với hai mặt hàng này ngày càng cao.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch mới đạt khoảng 80% và tỷ lệ này ở nông thôn là 42%. Tại đó thị, lượng nước sử dụng trung bình chỉ đạt 80 – 90 lít/người/ngày đêm, trong khi con số này ở các nước phát triển khoảng 250 – 300 lít. Tình trạng thiếu nước sạch hàng năm ảnh hưởng tới ít nhất 1 triệu người Việt Nam. Vì vậy việc đầu tư vào ngành nước và xã hội hóa ngành nước ở Việt Nam hiện nay rất bức thiết.

Nhu cầu tiêu thụ điện hàng năm của Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 11 – 14% mỗi năm. Theo ước tính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), trong giai đoạn từ 2010 – 2020, nhu cầu tiêu thụ điện trong nước tăng từ 92 triệu tới 250 MWh điện. Nhìn từ góc độ nhà cung cấp, tình trạng thiếu điện vẫn còn diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam và ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Do thực trạng ngân sách nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước không đủ khả năng để đầu tư vào các dự án nguồn điện mới nên thị trường năng lượng điện hiện tại đã có sự tham gia tích cực của các nhà máy điện độc lập (IPP) và tập đoàn ngoài quốc doanh. Tiêu thụ năng lượng điện ở Việt Nam có xu hướng tăng trưởng mạnh và đã vượt qua tốc độ tăng trưởng GDP trong vòng 1 thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng đạt 15% năm, từ 22 triệu MWh trong năm 2000 lên mức 92 triệu MWh trong năm 2010. Các nhân tố tác động mạnh tới nhu cầu năng lượng trong các năm qua được cho là do tăng trưởng GDP cao, trung bình 8% giai đoạn 2000-2010; tốc độ đô thị hóa cao, bình quân ước đạt mức 3%/năm đến năm 2015, gia tăng tốc độ công nghiệp hóa và tăng thu nhập. Với sự gia tăng nhu cầu về điện trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt năng lượng. Nguyên nhân của sự thiếu hụt năng lượng điện chủ yếu là kết quả của việc EVN không có khả năng để phát triển các dự án điện mới do thiếu vốn. Trong tháng 7 năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII), trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, hiệu suất năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và tự do hóa thị trường năng lượng. Nguồn năng lượng điện chiếm tỷ trọng cao hiện nay vẫn là nhiệt điện than. Điện nguyên tử và năng lượng tái tạo có đóng góp đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2020 và sẽ dần trở nên tương đối quan trọng trong giai đoạn 2020 - 2030. Thủy điện vẫn duy trì thị phần không đổi trong giai đoạn 2010 - 2020 và 2020 - 2030 vì thủy điện gần như

đã được khai thác hết trên toàn quốc. Cụ thể là vào năm 2020, cơ cấu sản lượng các nguồn điện là nhiệt điện than 46,8%, thủy điện và thủy điện tích năng 19,6%, nhiệt điện chạy khí và khí LNG (khí hóa lỏng) 24%, năng lượng tái tạo 4,5%, năng lượng nguyên tử 2,1% và 3.0% nhập khẩu từ các quốc gia khác.

Lĩnh vực logistics

Hoạt động điều phối logistics

Hoạt động điều phối logistics có rào cản gia nhập vào thị trường nội địa thấp nhất. Hiện tại, 80% thị trường điều phối logistics thuộc về các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Mặt khác, từ năm 2014, các công ty nước ngoài có thể thành lập pháp nhân có 100% vốn nước ngoài thì sự gia nhập ngành càng dễ dàng hơn. Sự tham gia càng nhiều các công ty nước ngoài càng làm xu hướng phát triển hoạt động điều phối logistics khá gần với xu hướng thế giới. Các xu hướng phát triển chính gồm:

- Sự phát triển của các công ty lớn trong ngành hàng tiêu dùng nhanh, bán lẻ tại Việt Nam như Unilever, P&G, Masan, Thế giới di động, ... làm gia tăng nhu cầu lưu trữ và quản lý thông tin hàng tồn kho trong chuỗi cung ứng. Để phát huy lợi thế cạnh tranh và tập trung vào hoạt động cốt lõi, các công ty sẽ gia tăng mức độ thuê ngoài logistics (Outsourcing Logistics). Lúc này, tốc độ phát triển ngành sẽ càng liên quan mật thiết đến tăng trưởng kinh tế và ngược lại cũng làm động lực phát triển kinh tế.
- Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh toàn cầu hóa, gia nhập vào các hiệp định tự do thương mại. Giá trị xuất nhập khẩu Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng bình quân 5.5% - 6.0%/năm theo World Bank và HSBC. Việc tăng trưởng xuất nhập khẩu làm gia tăng dòng luân chuyển hàng hóa nội địa lẫn quốc tế tại Việt Nam.
- Mô hình thương mại điện tử đang dần phát triển tại Việt Nam với các công ty như Tiki, Thế giới di động, Vinabook, Nhomma, ... đòi hỏi một trình độ lưu trữ và quản lý thông tin hàng hóa ở mức độ nhanh chóng và chính xác. Các hoạt động logistics tạo ra giá trị gia tăng trong mô hình này là dịch vụ xử lý hoàn chỉnh đơn hàng (Order Fulfillment) và ứng dụng thuật toán dự phòng nhu cầu hàng hóa. Đây là mức độ phát triển cao của hoạt động điều phối logistics mà các công ty Việt Nam chưa có khả năng cung cấp. Phần lớn thị trường nằm trong tay các đối thủ nước ngoài có kinh nghiệm như DHL Logistics, FedEx, ...
- Xu hướng các công ty hoạt động điều phối logistics trong ngành muốn phát triển nhanh theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói, cần phải mở rộng hoạt động M&A các công ty cùng ngành với tận dụng lợi thế cạnh tranh khác nhau. Đồng thời, gia tăng quy mô nhanh chóng để tăng sức cạnh tranh với các công ty nước ngoài.

Ngành vận tải đường biển:

Lưu thông container đến và đi từ các phần khác của châu Á dự kiến sẽ tăng trưởng là cơ hội tốt để ngành dịch vụ vận tải quốc tế phát triển. Các tuyến Mỹ và châu Á là các tuyến Sotrans đang khai thác hiệu quả. Hiện nay, SOTRANS đang tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống đại lý trên toàn thế giới. Việc tìm kiếm và phát triển các đại lý có uy tín trên thế giới để hình thành một hệ thống mạnh tập trung tại các thị trường trọng điểm như Bắc Mỹ, Châu Âu và Đông Nam Á sẽ giúp cho SOTRANS ngày càng phát triển mạnh mẽ

Ngành vận tải hàng không:

Về lĩnh vực hàng không, Việt Nam đã ký kết và gia nhập hơn 80 điều ước quốc tế trong lĩnh vực hàng không. Hiện có 53 hãng hàng không nước ngoài thuộc 25 quốc gia đang khai thác đến Việt Nam. Các hãng hàng không Việt Nam đang khai thác 56 đường bay quốc tế đến 17 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Do đó triển vọng phát triển của ngành vận tải hàng không sẽ rất lớn. Tuy vận tải hàng không chỉ chiếm thị phần khiêm tốn (chưa tới 1%) trong tổng lượng vận chuyển hàng hóa của Việt Nam, nhưng lại chiếm tới 25% giá trị kim ngạch xuất

khẩu. Theo số liệu của Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế (IATA), trong giai đoạn 2013-2017, vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không của Việt Nam đứng thứ 7 thế giới về tốc độ tăng trưởng với con số 6,6%/năm. Tính đến quý 3/2017, mỗi tuần cả nước có khoảng 1.000 tấn hàng hóa được vận chuyển qua đường hàng không. Năm 2016, trong 1,4 triệu tấn tổng hàng hóa vận chuyển bằng máy bay thì hàng hóa vận chuyển trong nước chiếm gần 1 triệu tấn, có thể thấy ngành vận tải Hàng không Việt Nam có những tín hiệu tăng trưởng đáng chú ý trong thời gian qua. Dự báo trong giai đoạn 2015 -2020 sẽ đạt mức tăng trưởng từ 11% đến 13%. Hiện SOTRANS đang làm đại lý vận chuyển cho hầu hết các hãng hàng không lớn và có sản lượng hàng hoá thông qua Vietnam Airlines trong top 5 các doanh nghiệp sản lượng cao, đây là hãng hàng không lớn nhất và chiếm thị phần cao nhất tại Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, bên cạnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít thách thức do khủng hoảng kinh tế thế giới chưa được khôi phục hoàn toàn ở các thị trường lớn như Mỹ, EU; giá xăng dầu dao động ở biên độ lớn; thị trường còn phụ thuộc theo mùa ... Số liệu của IATA cho biết đến nay đã có 58 hãng hàng không vận chuyển hàng hóa ở Việt Nam, sự tăng trưởng này đặt ra yêu cầu các sân bay phải liên tục đầu tư và phát triển để đáp ứng được nhu cầu thực tế. Hiện tại và sắp tới, việc thiếu nhân sự trong ngành hàng không cũng là một trong những thách thức lớn cho ngành vận tải hàng không Việt Nam

Ngành kinh doanh kho bãi:

Kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng tốt với GDP năm 2016 cao hơn dự báo là một tín hiệu tích cực đối với lĩnh vực kho vận. Trong đó, tính đến hết 12 tháng/2016 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt hơn 350,74 tỷ USD, tăng 7,1%, tương ứng tăng gần 23,16 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 176,63 tỷ USD, tăng 9%, tương ứng tăng gần 14,62 tỷ USD; nhập khẩu đạt hơn 174,11 tỷ USD, tăng 5,2%, tương ứng tăng hơn 8,54 tỷ USD. Ngoài ra, việc ký kết các hiệp định thương mại sẽ thúc đẩy hoạt động ngoại thương của Việt Nam, đồng thời thu hút dòng vốn FDI đổ vào các lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu. Xu hướng này sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải và thuê kho bãi cũng như sản lượng hàng hóa thông qua cảng. Nhu cầu về kho bãi trong thời gian tới sẽ phát triển nhất là các dịch vụ về kho cao cấp để đáp ứng nhu cầu phân phối hàng hoá. Và để đáp ứng nhu cầu về kho bãi đang ngày càng tăng cao, Bộ Công thương vừa ban hành Quyết định 229/QĐ-BCT phê duyệt đề án " Quy hoạch phát triển hệ thống kho hàng hóa tại các cửa khẩu khu vực biên giới Việt Nam - Lào và biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035". Theo đề án, giai đoạn 2016-2025 nâng cấp mở rộng 7 kho bãi, xây mới và đưa vào hoạt động 53 kho bãi (16 kho bãi thực hiện giai đoạn 1 của phân kỳ đầu tư); đến năm 2035, nâng cấp mở rộng 2 kho bãi, xây dựng mới và đưa vào hoạt động giai đoạn 26 kho bãi. Tức là tổng số kho bãi đến năm 2035 trên toàn tuyến vào khoảng 116 kho bãi sẽ giúp đáp ứng được 100% nhu cầu về kho bãi của hàng hóa xuất nhập khẩu; cung cấp trọn gói theo hướng tích hợp đồng bộ các dịch vụ logistics gắn với kho bãi; thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu phát triển nhanh và bền vững. Trong ngành kinh doanh kho bãi thì Sotrans là doanh nghiệp có kinh nghiệm về kinh doanh kho bãi nên việc đầu tư đáp ứng nhu cầu thị trường là triển vọng kinh doanh tốt trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động kinh doanh của các công ty kho bãi và khai thác cảng các năm qua nhìn chung khá ổn định và có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu trung bình hàng năm đều trên 15%.

Lĩnh vực Bất động sản

Thị trường bất động sản đã có tín hiệu hồi phục tích cực về thanh khoản và giá đã có xu hướng tăng nhẹ ở một số phân khúc từ năm 2014. Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 đã cho thấy thị trường bất động sản tiếp tục đã phục hồi tích cực, nhất là phân khúc nhà ở và BĐS du lịch, nghỉ dưỡng thể hiện qua lượng giao dịch tăng; giá cả tương đối ổn định; lượng tồn kho bất động sản tiếp tục giảm; cơ cấu hàng hóa bất động sản chuyển dịch theo hướng hợp lý, phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường; tăng trưởng tín dụng bất động sản cao hơn mức tăng trưởng tín dụng chung, bất động sản vẫn là kênh hấp dẫn vốn.

Trong lĩnh vực BĐS, số vốn đầu tư vào kinh doanh BĐS cũng tăng lên đáng kể so với những năm trước đó. Số lượng vốn đầu tư vào kinh doanh BĐS 10 tháng đầu năm 2016 được ước tính là gần 129.896 tỷ đồng, gần gấp đôi so với lượng vốn đầu tư trong năm 2015 là 60.841 tỷ đồng. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho thị trường BĐS. Từ những dấu hiệu của thị trường BĐS năm 2016, có thể thấy thị trường BĐS Việt Nam có những bước phát triển mạnh hơn, mang tính chuyên nghiệp nhiều hơn. Hai phân khúc phát triển khá mạnh là phân khúc nhà ở và phân khúc du lịch, nghỉ dưỡng. Tất nhiên, những bước phát triển này chưa gây nên sốt giá trên toàn thị trường. Việc tăng giá BĐS nhà ở vẫn ở mức tăng nhẹ, phụ thuộc chủ yếu vào vị trí của dự án, chưa tạo thành xu hướng rộng khắp trên toàn thị trường và có gia tốc theo thời gian các năm tới, thị trường bất động sản được kỳ vọng phát triển tích cực hơn nhờ có các chính sách vĩ mô mang tính hỗ trợ từ phía Chính phủ. Về mặt kinh tế vĩ mô, mặt bằng lãi suất ở mức thấp nhất trong 5 năm trở lại đây cùng với tín hiệu ổn định và tăng trưởng dần của nền kinh tế trong trung hạn đang khiến nhà đầu tư sẽ có xu hướng tìm kiếm các kênh đầu tư rủi ro hơn nhưng rất tiềm năng, trong đó có bất động sản.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành
So sánh về tình hình hoạt động ngành hàng dây cáp điện

Bảng 30: So sánh kết quả kinh doanh của CADIVI với các công ty trong ngành hàng dây cáp điện năm 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA %	ROE %
CAV	288	748	2.188	5.631	239	10,92	31,95
TYA	306,9	397	619	980	44	7,11	11,08
VKC	200	268	676	1.147	40	5,92	6,70

Nguồn: BCTCKT năm 2016 của các công ty công bố tại HSX, HNX, SSI tính toán chỉ số

Ghi chú: TYA (Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (HOSE))

VKC (Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh (HNX))

So sánh về tình hình hoạt động ngành hàng máy biến áp

Bảng 31: So sánh kết quả kinh doanh của THIBIDI với các công ty trong cùng ngành hàng máy biến áp năm 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA %	ROE %
THI	488	1.094	1.741	2.535	211	12,12	19,29
TBD	157,7	372	1.719	2.338	119	6,92	31,99

Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA %	ROE %
CJC	20	53	183	271	5	2,73	9,43

Nguồn: BCTCKT năm 2016 của các công ty công bố tại HSX, HNX, SSI tính toán chỉ số

Ghi chú: TBD (Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (UpCOM))

CJC (Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung (HNX))

So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực logistic

Bảng 32: So sánh kết quả kinh doanh của STG với các công ty trong cùng lĩnh vực logistic năm 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA %	ROE %
STG	854	1.235	2.289,6	1.257,8	111,5	3,77	7
TMS	312,6	1.078	2.006	615,7	172	8,58	15,97
TCL	209,4	586	835	821	94,3	11,3	16,1

Nguồn: BCTCKT năm 2016 của các công ty công bố tại HSX, HNX, SSI tính toán chỉ số

Ghi chú: TCL (Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (HOSE))

TMS (Công ty Cổ phần Transimex (HOSE))

STG Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (HOSE)

So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh của GELEX

Thực hiện quá trình tái cấu trúc, Gelex đã chuyển đổi, hoạt động theo mô hình công ty holding, do đó, các công ty tương tự GELEX được lựa chọn là: Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG), Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (REE), Công ty cổ phần GEMADEPT (GMD).

Bảng 33: So sánh kết quả kinh doanh của GELEX với các công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn năm 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA %	ROE %
REE	3.101	7.721	11.397	3.659	1.174	10,30	15,20
VCG	4.417	7.455	22.801	8.533	687	3,01	9,22
GMD	1.794	5.867	10.118	3.742	444	4,39	7,56

Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA %	ROE %
GEX	1.550	3.276	8.785	7.297	579	6,59	17,67

Nguồn: BCTCKT năm 2016 của các công ty công bố tại HSX và HNX, SSI tính toán chỉ số

Quy mô vốn điều lệ hiện tại của GELEX là 2.668 tỷ đồng, tương đối tương đồng với các doanh nghiệp so sánh được lựa chọn. So với các doanh nghiệp được lựa chọn, GEX có chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ở mức trung bình, thấp hơn so với REE và cao hơn VCG và GMD. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của GEX đạt mức cao nhất trong các công ty so sánh (17,67% so với 15,2% của REE, 9,22% của VCG, và 7,56% của GMD)

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Với chiến lược phát triển thành công ty holding - đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, hạ tầng, logistics, bất động sản, GELEX đã nâng tầm thương hiệu doanh nghiệp không chỉ là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện mà còn tham vọng trở thành công ty mẹ nắm giữ hàng loạt các công ty con hàng đầu trong những lĩnh vực mà GELEX tham gia.

Lĩnh vực công nghiệp

Với định hướng phát triển, bám sát mục tiêu phát triển các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt ngành năng lượng, dựa trên lợi thế hiện có của Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam để đưa Tổng Công ty trở thành một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu Việt Nam và khu vực, GELEX và các công ty thành viên tập trung đầu tư mở rộng sản xuất để phát triển thiết bị đo điện phục vụ Dự án lưới điện thông minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang tiếp tục triển khai, tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị công nghệ nhằm sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như máy biến áp siêu giảm tổn thất, động cơ điện hiệu suất cao... gắn với chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường, tập trung đầu tư phát triển thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời, lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch.

Định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước về tiết kiệm năng lượng quốc gia, môi trường...

Lĩnh vực hạ tầng

Nước sạch và điện là hai nguồn năng lượng thiết yếu đối với hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân. Khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu đối với hai mặt hàng này ngày càng cao.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch mới đạt khoảng 80% và tỷ lệ này ở nông thôn là 42%. Tại đô thị, lượng nước sử dụng trung bình chỉ đạt 80 – 90 lít/người/ngày đêm, trong khi con số này ở các nước phát triển khoảng 250 – 300 lit. Tình trạng thiếu nước sạch hàng năm ảnh hưởng tới ít nhất 1 triệu người Việt Nam. Vì vậy việc đầu tư vào ngành nước và xã hội hóa ngành nước ở Việt Nam hiện nay rất bức thiết.

Nhu cầu tiêu thụ điện hàng năm của Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 11 – 14% mỗi năm. Theo ước tính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), trong giai đoạn từ 2010 – 2020, nhu cầu tiêu thụ điện trong nước tăng từ 92 triệu tới 250 MWh điện. Nhìn từ góc độ nhà cung cấp, tình trạng thiếu điện vẫn còn diễn ra khá phổ

biển ở Việt Nam và ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Trong tháng 7 năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII), trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, hiệu suất năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và tự do hóa thị trường năng lượng.

Định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam trong việc đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng (điện và sản xuất, phân phối nước sạch) được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước.

Lĩnh vực logistics

Trong giai đoạn 5 năm tới Công ty con trong lĩnh vực logistics – Hệ thống SOTRANS sẽ tập trung phát triển hệ thống kho và giao nhận tại các khu vực có qui hoạch Cảng biển theo Chiến lược Quy hoạch phát triển Cảng biển đến năm 2020 và định hướng đến 2030. Đặc biệt là Hệ thống Cảng biển nhóm 5 thuộc khu vực Đông Nam Bộ bao gồm: TP. HCM (Cát Lái, Hiệp Phước), Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu (Cái Mép - Thị Vải), Long An, Tiền Giang và tập trung vào các khu vực trung tâm các khu Công nghiệp như: TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng, Bắc Ninh, Đà Nẵng... Sotrans sẽ tập trung phát triển hệ thống kho dựa theo qui hoạch của Chính phủ và là hệ thống hậu cần hiệu quả cho hoạt động của các cụm cảng nêu trên. Trong đó Sotrans sẽ phát triển tập trung vào hệ thống 3 nhóm Cảng chính bao gồm Cảng Cái Mép, Cảng TP. HCM và Cảng Đồng Nai để trở thành đơn vị hậu cần quan trọng trong chuỗi vận chuyển tại khu vực này. Các định hướng phát triển của Sotrans dựa trên nền tảng chính sách và qui hoạch của chính phủ để phù hợp với sự phát triển quốc gia, nhu cầu khách hàng cũng như đáp ứng nguồn hàng quốc tế.

Lĩnh vực bất động sản:

Các dự án của Tổng Công ty sẽ được tính toán phát triển phù hợp với quy hoạch của nhà nước và nhu cầu của thị trường, để đảm bảo mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng cũng như cho các cổ đông của Tổng Công ty.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Tổng Công ty và các công ty con, vì vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của GELEX và các công ty con trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt. Tính đến thời điểm 30/6/2017, tổng số lao động trong Tổng Công ty và các công ty con là 3.318 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 34: Tình hình lao động trong Tổng Công ty và một số đơn vị thành viên tại thời điểm 30/09/2017

STT	Tên đơn vị	Tại thời điểm 30/09/2017			Tổng cộng
		Trên đại học	Đại học	Dưới đại học	
1	Cadivi	12	240	679	931
2	Thibidi	9	182	475	666
3	Emic	2	136	280	418
4	Hem	8	87	228	323

5	Vihem	0	75	185	260
6	Vinakip	1	78	356	435
7	Sotrans	12	568	604	1184
8	Năng lượng Gelex	3	15	55	73
9	Gelex Land	3	4	0	7
10	Cơ quan Tổng Công ty	9	45	30	84
Tổng cộng		59	1.430	2.892	4.381

Nguồn: GELEX

9.2 Các chính sách đối với lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp)

- Tổng Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng bậc, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất, nâng lương cho lao động gián tiếp, tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại cho cán bộ từ cấp phó phòng trở lên và một số nhân viên trẻ có năng lực phục vụ thiết thực cho công tác quản lý tại Tổng Công ty.
- Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.
- Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, 08 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...
- Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động áp dụng theo đơn giá tiền lương và Quy chế trả lương của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được HĐQT phê duyệt. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.
- Về các chế độ với người lao động. Tổng Công ty thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Tổng Công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động...
- Thu nhập bình quân người lao động ở mức khá so với mặt bằng chung các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cùng ngành cơ khí chế tạo. Năm 2016, thu nhập bình quân của người lao động Tổng Công ty là 12,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 126,53% so với năm 2015 (9,8 triệu đồng/người/tháng).

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Tổng Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm qua như sau:

Bảng 35: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm bằng tiền hoặc cổ phiếu

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Phê duyệt của ĐHĐCĐ
2013	12% (bằng tiền)	Nghị quyết số 07/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2014
2014	12% (bằng tiền)	Nghị quyết số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015
2015	10% (bằng tiền)	Nghị quyết số 19/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/3/2016
2016	25% (10% bằng tiền, 15% bằng cổ phiếu)	Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017
2017	(kế hoạch) 20%	Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017

Nguồn: GELEX

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định

Tổng Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của Pháp luật.

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế:

- Nguyên giá tài sản cố định được phân ánh theo giá trị thực tế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Bảng 36: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	20-50 năm
Máy móc thiết bị	03-15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10 năm
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03-10 năm
Phần mềm quản lý	03 năm
Tài sản cố định khác	03-05 năm
Giá trị quyền sử dụng đất	50 năm
Tài sản cố định vô hình khác	10-25 năm

Nguồn: GELEX

Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên

Bảng 37: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	9	9,8	12,4

Nguồn: GELEX

Mức lương bình quân của GELEX thuộc mức tương đối cao so với mức lương bình tại địa bàn Hà Nội. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, mức lương bình quân của người lao động trên địa bàn Hà Nội năm 2016 là 85 - 87 triệu đồng/năm, tương đương mức 7 triệu đồng/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty luôn thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tổng Công ty hoàn toàn chủ động trong kế hoạch trả nợ. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2016, Tổng Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp theo luật định
Bảng 38: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Năm	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Thuế GTGT	-	-	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.499	6.919	-
Thuế thu nhập cá nhân	351	1.025	197
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.332	-
Các loại thuế khác	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		834	
Tổng cộng	4.850	10.110	197

Nguồn: BCTCKT riêng 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 39: Số dư các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Năm	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Thuế GTGT	2.807	10.880	17.802
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	17
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.084	41.320	53.792
Thuế thu nhập cá nhân	2.270	3.040	2.916
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	4	1.337	14.254
Các loại thuế khác	-	150	2.570
Tổng cộng	29.165	57.562	91.351

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Hiện tại, Tổng Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định áp dụng cho Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 40: Số dư các quỹ công ty mẹ

Năm	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Quỹ đầu tư phát triển	62.000	139.656	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	9.170	9.114	1.460
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.806	1.306	2.523
Tổng cộng	86.976	150.076	3.983

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 41: Số dư các quỹ tại các thời điểm (hợp nhất)

Năm	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Quỹ đầu tư phát triển	123.439	208.668	77.100
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	47.051	77.389	77.389
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	11.007	40.372	33.172
Quỹ khen thưởng phúc lợi	27.901	44.806	92.549
Tổng cộng	209.398	371.235	280.213

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Tổng dư nợ vay

Bảng 42: Số dư các khoản vay của Công ty mẹ

Đối tượng cho vay	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.152.533	879.928
Ngân hàng TNHH CTBC – CN Hồ Chí Minh	-	43.219	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hà Nội	-	1.078.200	271.079

Đối tượng cho vay	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	-	-	560.591
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Ba Đình	-	31.114	15.502
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch I	-	-	32.757
Vay và nợ dài hạn	-	1.793.714	1.792.800
Trái phiếu thường	-	1.793.714	1.792.800
Tổng cộng	-	2.946.247	2.672.728

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 43: Sổ dư các khoản vay hợp nhất

Đối tượng cho vay	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Vay và nợ ngắn hạn	504.114	1.998.916	1.785.635
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.083	1.966.641	1.759.395
Vay ngắn hạn cá nhân, tổ chức khác	11.843	18.083	17.131
Vay dài hạn đến hạn trả công ty đầu tư tài chính nhà nước	14.188	14.193	9.109
Vay và nợ dài hạn	17.213	1.890.468	3.283.134
Vay dài hạn công ty đầu tư tài chính nhà nước	14.193	-	-
Vay dài hạn ngân hàng	3.020	96.755	1.142.231
Trái phiếu thường	-	1.793.714	2.140.904
Tổng cộng	521.327	3.889.384	5.068.769

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Gelex dự kiến phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2017 với số tiền huy động khoảng 500 tỷ đồng với mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Doanh nghiệp theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 42/2017/GELEX/NQ-HDQT ngày 10/11/2017.

Tổng dự nợ Bảo lãnh công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2017 là: 44.106.477.217 đồng. Đây là các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng, bảo lãnh bảo hành phát sinh từ các Hợp đồng cung cấp Thiết bị đo điện do Tổng công ty đứng tên.

Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 44: Số dư các khoản phải thu công ty mẹ

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Các khoản phải thu ngắn hạn	523.194	182.142	466.391
Phải thu của khách hàng	361.641	163.450	254.940
Trả trước cho người bán	12.901	1.637	2.114
Phải thu về cho vay ngắn hạn	137.885	6.000	71.300
Phải thu ngắn hạn khác	18.432	11.055	142.610
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.681)	-	(4.573)
Tài sản thiếu chờ xử lý	16	-	-

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 45: Số dư các khoản phải thu hợp nhất

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.006.794	1.489.503	2.891.652
Phải thu của khách hàng	964.049	1.235.954	1.864.309
Trả trước cho người bán	42.533	40.032	107.884
Phải thu về cho vay ngắn hạn	33.193	6.000	4.300
Phải thu ngắn hạn khác	12.645	244.595	1.152.382
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(46.632)	(37.078)	(237.608)(*)
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.006	-	384

Chi tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Các khoản phải thu dài hạn	395	441	85.693
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	77.121
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	1.223
Phải thu dài hạn khác	395	441	7.349

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Phải thu khách hàng gồm những khoản phải thu công nợ của khách hàng mua hàng, các sản phẩm thiết bị điện của Tổng Công ty.

Phải thu về cho vay ngắn hạn là những khoản GELEX cho các đơn vị vay tiền và thu lãi.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu lãi suất tiền gửi, tiền cho vay; phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản tạm ứng, phải thu về thuế thu nhập cá nhân, kinh phí xây dựng hạ tầng, ký cược ký quỹ.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại thời điểm 30/09/2017 trên báo cáo hợp nhất của Công ty tăng cao chủ yếu do các khoản dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty con – Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari. Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari trở thành con của Tổng Công ty từ ngày 17/07/2017.

- Các khoản phải trả

Bảng 46: Số dư các khoản phải trả công ty mẹ

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Nợ ngắn hạn	309.698	1.352.260	1.054.993
Phải trả người bán	212.734	125.202	79.314
Người mua trả tiền trước	627	332	404
Thuế và các khoản phải nộp NN	4.850	10.110	197
Phải trả người lao động	34.955	6.987	4.334
Chi phí phải trả ngắn hạn	352	11.878	47.533

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.368	3.192	3.279
Phải trả ngắn hạn khác	39.007	22.203	21.674
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.152.533	879.928
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	(18.517)	(15.804)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.806	1.306	2.523
Nợ dài hạn	87.725	1.974.476	1.955.972
Doanh thu chưa thực hiện	36.865	46.946	46.113
Phải trả dài hạn khác	6.201	99.062	100.795
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.793.714	1.792.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	(35.489)	(25.640)	(14.804)
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	9.170	9.114	1.460
Tổng cộng	397.424	3.326.736	3.010.964

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 47: Số dư các khoản phải trả hợp nhất

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Nợ ngắn hạn	1.800.611	3.386.760	3.487.615
Phải trả người bán	571.664	559.236	573.927
Người mua trả tiền trước	95.369	38.264	70.369
Thuế và các khoản phải nộp NN	29.165	57.562	91.351

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Phải trả người lao động	110.252	124.492	126.704
Chi phí phải trả ngắn hạn	34.017	49.532	99.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18.530	20.333	62.519
Phải trả ngắn hạn khác	365.956	321.691	461.487
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	504.114	1.998.916	1.785.635
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(43.642)	(171.927)	(124.075)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	27.901	44.806	92.549
Nợ dài hạn	123.604	2.121.643	3.628.471
Phải trả người bán dài hạn	-	-	61.940
Doanh thu chưa thực hiện	36.865	46.946	46.113
Phải trả dài hạn khác	8.901	102.812	137.008
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.213	1.890.468	3.283.134
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	235	660	9.376
Dự phòng phải trả dài hạn	(49.383)	(40.385)	(57.724)
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	11.007	40.372	33.176
Tổng cộng	1.924.215	5.508.403	7.116.086

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Phải trả người bán là các khoản phải trả các nhà cung cấp của công ty mẹ và các công ty con.

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay, trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca, trích trước lãi kỳ quỹ và các khoản chiết khấu, chi phí hoa hồng, phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK, chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, TP Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam, trích trước chi phí khuyến mại...

Chi tiết doanh thu chưa thực hiện

Bảng 48: Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện công ty mẹ

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Ngắn hạn	1.368	3.192	3.279
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.368	3.192	3.279
Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	-	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-	-
Dài hạn	36.865	46.946	46.113
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865	46.946	46.113

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 49: Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện hợp nhất

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Ngắn hạn	18.530	20.333	62.519
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.368	8.965	3.279
Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	2.245(*)	-	-
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện từ công ty liên kết	-	-	36.051
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	14.917	11.368	23.189
Dài hạn	36.865	46.946	46.112
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865	46.946	46.112

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

(*) Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến học phí trên thuyết minh báo cáo hợp nhất năm 2015: 2,2 tỷ. Đây là khoản tiền thu học phí của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (Công ty con của Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội - HEM). Do Trường thu học phí theo học kỳ, nên số tiền thu được được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Định kỳ được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ tương ứng với thời gian của kỳ báo cáo.

Hàng tồn kho

Bảng 50: Chi tiết số dư hàng tồn kho công ty mẹ

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Hàng mua đang đi đường	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	61.000	326	137
Công cụ dụng cụ	824	-	-
Chi phí SXKD dở dang	5.047	-	-
Thành phẩm	77.733	-	-
Hàng hóa	-	-	-
Tổng cộng	144.614	326	137

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 51: Chi tiết số dư hàng tồn kho hợp nhất

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Hàng mua đang đi đường	6.301	6.109	2.147
Nguyên liệu, vật liệu	318.564	473.637	726.573
Dự phòng nguyên liệu, vật liệu	-	-	(3.529)
Công cụ dụng cụ	3.437	1.569	4.216
Dự phòng công cụ dụng cụ	-	-	(14)
Chi phí SXKD dở dang	112.003	287.852	254.842
Dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	(1.010)
Thành phẩm	596.464	740.463	898.856
Dự phòng thành phẩm	(5.164)	(5.999)	(7.906)
Hàng hóa	44.288	36.827	8.560
Dự phòng hàng hóa	(279)	-	(303)

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Hàng gửi đi bán	13.415	-	1.164
Tổng cộng	1,089,029	1,540,458	1.883.961

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Giữa niên độ của GELEX

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 52: Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang công ty mẹ

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Xây dựng cơ bản dở dang	24.806	4.456	4.138
Xây dựng văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyễn Hân	4.138	4.138	4.138
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526	-	-
Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất	16.142	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	-	317	-
Mua sắm tài sản cố định	80	-	-

Nguồn: BCTCKT riêng năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 53: Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất

Chỉ tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Xây dựng cơ bản dở dang	40.276	92.398	254.207
Xây dựng văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyễn Hân	4.138	4.138	4.138
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526	-	-
Dự án Nhà máy cáp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của CTCP Dây cáp điện Việt Nam (*)	7.797	87.342	87.699
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	369	-	-
Dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh	16.142	-	-
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	5.243	-	-
Công trình khác	2.061	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	-	918	162.370
Mua sắm tài sản cố định	3.883	137.921	58.573
Phần mềm ERP	3.287	3.357	-
Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương (**)	-	127.243	-
Mua sắm máy móc thiết bị tại CTP Dây cáp điện VN	-	7.321	-
Mua sắm TSCĐ khác	596	-	58.573
Sửa chữa lớn tài sản cố định	715	3.108	4.038

Chi tiêu	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2016 (Triệu VND)	30/09/2017 (Triệu VND)
Sửa chữa lớn, nâng cao máy móc tại CTCP Dây cáp điện Việt Nam	623	3.108	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định khác	92	-	4.038

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

(*) Đây là dự án đầu tư của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam. Dự án đang trong quá trình thi công, một số hạng mục lớn đang hoàn thành, chuẩn bị đưa vào sử dụng

(**) Dự án Trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương: Đây là dự án đầu tư của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam. Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện.

Ngoài ra, Tổng Công ty đang dự kiến thực hiện dự án trang trại điện mặt trời Ninh Thuận. Đây là dự án của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận - Công ty con của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX. Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 14/12/2017. Hiện tại dự án đang được triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Liên quan đến một số nội dung thuộc Báo cáo tài chính, Công ty bổ sung một số điểm làm rõ như sau:

Về báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2016:

- Tại thuyết minh số 10 "Tài sản cố định hữu hình", phần góp vốn bằng tài sản cố định vào công ty con: GELEX góp vốn vào Công ty con – Công ty TNHH MTV GELEX EMIC, do GELEX sở hữu 100%. Tài sản cố định hữu hình được định giá lại khi góp vốn theo nguyên tắc thỏa thuận, nhất trí giữa 2 bên, thể hiện cụ thể tại Biên bản bàn giao tài sản góp vốn ngày 6/10/2016. Số liệu tại thời điểm góp vốn như sau:
 - ✓ Nguyên giá TSCĐ hữu hình góp vốn: 271.288.410.119 đồng.
 - ✓ Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình góp vốn: 142.477.418.375 đồng.
 - ✓ Giá trị đánh giá lại để góp vốn: 145.869.405.975 đồng.

Về Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2017

- Tại thuyết minh số 6 "Đầu tư tài chính ngắn hạn": cơ sở trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Cát theo Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC. Đây là khoản ủy thác đầu tư chứng khoán kinh doanh qua Công ty Quản lý quỹ Việt Cát. Căn cứ vào Báo cáo tình hình danh mục đầu tư của Nhà đầu tư ủy thác tại thời điểm 30/06/2017, GELEX trích lập dự phòng trên cơ sở giảm giá những chứng khoán nằm trong danh mục này.
- Tại thuyết minh số 7 "Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán": GELEX không thuyết minh chi tiết các đối tượng trích lập dự phòng vì Thông tư 200/2014/TT/BTC không hướng dẫn phải thuyết minh nội dung trên Báo cáo tài chính. GELEX gửi bản chi tiết đối tượng trích lập dự phòng thời điểm 30/06/2017 kèm theo.
- Tại thuyết minh số 15.2 "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn": GELEX đã thuyết minh "Công ty cổ phần chứng khoán IB, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 06/01/2019 với mức lãi trái phiếu 11%/năm". Đây là lỗi trong quá trình đánh máy, GELEX thuyết minh lại như sau: "Công ty cổ phần chứng khoán IB, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 09/01/2019 với mức lãi trái phiếu 10,5%/năm". Đây là khoản đầu tư của Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI) mua trái phiếu của Công ty CP Chứng khoán IB, giá trị khoản đầu tư là 100.000.000.000 đồng.
- Tại thuyết minh số 27.2 "Doanh thu hoạt động tài chính": cổ tức và lợi nhuận được chia là:

64.288.581.858, đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị	Số tiền (đồng)
1 - Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT	10.244.480.513
2 - Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	46.070.652.000
3 - CTCP Khí cụ điện 1	4.490.690.000
4 - Các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty con	3.482.759.345
Tổng cộng	64.288.581.858

Về sự khác biệt khi trình bày nợ xấu tại thời điểm 31/12/2015 giữa Thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2015 với thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016

Tại Thuyết minh số 8, Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2015:

- Giá trị có thể thu hồi của Nợ xấu thời điểm 31/12/2015 được ghi nhận căn cứ theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc GELEX và các Công ty con. Các khoản nợ xấu của GELEX được ghi nhận do quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Các đơn vị này hiện vẫn đang được giao dịch mua bán sản phẩm, hàng hoá với GELEX. Vì vậy, Ban tổng Giám đốc GELEX đánh giá các khoản nợ này đều có khả năng thu hồi được.
- Các khoản nợ xấu của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã có hoặc đang chờ quyết định của Tòa án buộc bên nợ phải trả nên số có thể thu hồi được đánh giá bằng nợ gốc

Tại Thuyết minh số 9, Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016:

- Giá trị có thể thu hồi của Nợ xấu thời điểm 31/12/2015 được trình bày trên cơ sở trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Cụ thể là: Giá trị có thể thu hồi được tính bằng Giá gốc trừ đi giá trị trích lập dự phòng của nợ xấu.
- Như vậy, sự khác biệt về trình bày nợ xấu tại Thuyết minh số 8 trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2015 và Thuyết minh số 9, Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 là do GELEX thay đổi việc ước tính giá trị có thể thu hồi đối với các khoản nợ xấu. Việc thay đổi này cũng đã được GELEX thuyết minh cụ thể trong phần Nợ xấu tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 54: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,69	1,77	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,23	1,77	1,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,61	0,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	1,59	0,77
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng năm 2017
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	10,20	15,46	7,248
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,61	0,33	0,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18,49	23,70	14,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,74	15,1	8,92
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,17	7,9	4,18
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,97	25,99	14,89

Nguồn: BCTCKT Công ty mẹ năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm từ 3,69 lần trong năm 2015 xuống 1,77 lần trong năm 2016 do tỷ lệ tăng tài sản ngắn hạn thấp hơn tỷ lệ tăng nợ ngắn hạn. Nguyên nhân chủ yếu là do GELEX phải tạm dừng nguồn vốn vay ngắn hạn để mua thêm cổ phần của THIBIDI và SOTRANS. Nguồn vốn để đầu tư vào hai đơn vị này từ việc thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng, tuy nhiên, đến tháng 01/2017 GELEX mới hoàn thành thủ tục chào bán cổ phiếu.

Năm 2016 có sự thay đổi lớn về cơ cấu vốn của Công ty mẹ do: GELEX phát hành 1.800 tỷ trái phiếu kèm chứng quyền theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ – ĐHCĐ ngày 1/8/2016. Bên cạnh đó, công ty vay ngắn hạn ngân hàng để đầu tư cổ phần THIBIDI và SOTRANS trong thời gian hoàn thiện thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng nên cả nợ ngắn hạn và dài hạn đều tăng cao trong khi vốn chủ sở hữu không thay đổi nhiều.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh do Tổng Công ty đã giảm các hoạt động sản xuất trực tiếp do đó giảm hàng tồn kho cuối kỳ. Tuy nhiên, chỉ số doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân giảm do quy mô Công ty tăng mạnh khi thực hiện các hoạt động M&A và đầu tư tài chính mở rộng quy mô Công ty trong khi doanh thu chưa tăng tương ứng.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời, các chỉ số về lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần và vốn chủ sở hữu bình quân tăng nhẹ trong khi tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân giảm do Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty tăng nhẹ nhưng mức tăng chưa tương ứng với mức độ gia tăng về tài sản.

Bảng 55: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,72	1,87	2,17
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,11	1,41	1,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,39	0,63	0,38
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,64	1,68	0,81
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,86	4,81	3,84
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,71	1,08	0,78
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,44	7,94	11,81
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,71	22,84	17,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,37	6,74	9,23
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,82	9,87	14,93

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý 3/2017 của GELEX

Các Chỉ tiêu về khả năng thanh toán hợp nhất của Công ty năm 2016 tăng nhẹ so năm 2015 do tốc độ tăng tài sản ngắn hạn cao hơn tốc độ tăng nợ ngắn hạn.

Năm 2016 có sự thay đổi lớn về cơ cấu vốn hợp nhất chủ yếu là do thay đổi trong cơ cấu vốn của Công ty mẹ thông qua việc phát hành trái phiếu và tăng tỷ lệ vay ngắn hạn ngân hàng; do đó, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,39 lần năm 2015 lên 0,63 lần năm 2016, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 0,64 lần năm 2015 lên 1,68 lần năm 2016.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho giảm do Giá vốn hàng bán hợp nhất năm 2016 giảm trong khi Hàng tồn kho bình quân không biến động nhiều. Chỉ tiêu doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân giảm do Doanh thu thuần năm 2016 giảm, Tổng tài sản bình quân tăng chủ yếu từ tăng khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết (Đầu tư vào Sotrans) và tăng Hàng tồn kho do tại thời điểm 31/12/2016 số liệu Hàng tồn kho

của THIBIDI được hợp nhất vào BCTC của GELEX (Thibidi thành công ty con của GELEX vào cuối năm 2016) Nhóm chỉ tiêu về Khả năng sinh lời năm 2016 tăng so với năm 2015 do Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2016 tăng từ Doanh thu tài chính, chủ yếu do cổ tức và lợi nhuận được chia tăng.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	17/03/1961	011796281
2	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	20/11/1959	010414290
3	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	06/03/1984	035084000878
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	18/12/1957	011667423
5	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	05/09/1980	013569589
Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng BKS	08/11/1976	011828444
2	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	13/07/1971	011882591
3	Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	17/11/1980	012053781
Ban Tổng Giám đốc				
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	06/03/1984	035084000878
Kế toán trưởng				
1	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	03/11/1976	001076013343

12.2 Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch HĐQT, thành viên không điều hành

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 17/03/1961
CMND	: 011796281 cấp ngày 06/06/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 30 Trần Quốc Toản, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- 1/1985 – 6/1991: *Kỹ sư cơ khí – Phòng Công nghệ - Nhà máy chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 6/1991 – 8/1996: *Phó phòng – Phòng Công nghệ - Nhà máy chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 8/1996 – 2010: *Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD*
- 2003 – 2008: *Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Hà Nội*
- 2006 – 2009: *Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Nhà nước MTV Chế tạo điện cơ Hà Nội*
- 2007 – 06/2017: *Phó chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD*
- 06/2017 - nay: *Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD*
- 2008 – 2011: *Ủy viên HĐQT CTCP Kinh doanh vật tư THIBIDI*
- 2009 – 2012: *Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khí cụ điện I VINAKIP*

- 2009 – 2011: *Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 1/2007 – 6/2010: *Ủy viên thường trực HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam*
- 7/2010 – 11/2010: *Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam*
- 11/2010 – nay: *Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam*
- 2011 – 08/2016: *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 08/2016 – 10/2017: *Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 2012 – 04/2017: *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam*
- 04/2017 – 17/10/2017: *Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam*
- 03/10/2017 - nay: *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khí cụ điện 1*
- 2014 – nay: *Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam*

- Chức vụ hiện nay : **Chủ tịch HĐQT của GELEX**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : **Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khí cụ điện 1**
Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD
- Hành vi vi phạm pháp luật : **Không**
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : **Không**
- Các khoản nợ đối với Công ty : **Không**
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : **0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ**
- Trong đó: :

- + *Sở hữu cá nhân* : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + *Được ủy quyền đại diện* : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Bích Hà	Con gái	86.250	0,032%
Nguyễn Thị Xuân Thanh	Chị gái	80.500	0.030%

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết:

Tên tổ chức có liên quan	Người có liên quan	Chức vụ tại tổ chức có liên quan đối với tổ chức niêm yết	Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết
Công ty cổ phần Khí cụ điện 1	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	GELEX Đặt cọc mua cổ phần: - 30/09/2017: 6.257.552.000

Ông Nguyễn Trọng Tiểu – Thành viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/11/1959
- CMND : 010414290 cấp ngày 15/8/2003 tại Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Căn hộ R3,07,21 Chung cư Royal City, 72 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- 01/1983 – 9/1985: Kỹ sư thiết kế Phòng Thiết kế, Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 9/1985 – 11/1987: Nhập ngũ, sỹ quan thuộc Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 596 Bộ Tư lệnh thông tin liên lạc
- 12/1987 – 2/1989: Kỹ sư Thiết kế Phòng Thiết kế Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 3/1989 – 7/1990: Học Tiếng Anh tại Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ Bộ Cơ khí Luyện

Kim

- 7/1990 - 12/1992: Phó Phòng Thiết kế, Công ty chế tạo điện cơ Hà Nội*
- 12/1992 - 4/2000: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 4/2000 - 4/2005: Phó Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 4/2005 - 6/2009: Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 7/2005 - 3/2007: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo điện cơ Hà nội*
- 3/2007 - 12/2009: Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 7/2009 - 12/2009: Tổng Giám đốc Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 01/2010 - 06/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam*
- 07/2010 - 11/2010: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam*
- 12/2010 - 9/2016: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam*
- 09/2016 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện*
- 11/2010 - nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam*
- 9/2009 - 5/2010: Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội*
- 1995 - 07/2017: Ủy viên HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD*
- 2009 - 08/2016: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 23/10/2017 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 06/2017 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 7/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện*
- 5/2010 - 8/2015: Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội*

- Chức vụ hiện nay :** Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :** Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
 Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật :** Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :** Không
- Các khoản nợ đối với Công ty :** Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ :** 53.475 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- Trong đó :**
- + Sở hữu cá nhân :** 53.475 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết:

Tên tổ chức có liên quan	Người có liên quan	Chức vụ tại tổ chức có liên quan đối với tổ chức niêm yết	Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết
Công ty cổ phần Thiết bị điện	Nguyễn Trọng Tiểu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	GELEX Phải thu khách hàng: - 30/09/2017: 23.635.770.414
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	GELEX phải thu khách hàng: - 31/12/2016: 48.364.902 GELEX phải thu lợi nhuận được chia: - 30/09/2017: 10.000.000.000 GELEX phải trả người bán: - 31/12/2016: 74.981.795.916 - 30/09/2017: 21.917.579.126
Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX phải thu khách hàng: - 31/12/2016: 485.617 GELEX phải trả người bán: - 31/12/2016: 599.349.549 - 30/09/2017: 400.192.360

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên HĐQT độc lập

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 18/12/1957
 CMND : 011667423 cấp ngày 9/12/2004 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Số 16 Thế Giao, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hoá VLXD, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
- 1980 – 1994: Giảng viên Đại học Kiến trúc Hà Nội
 - 1994 – 2004: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bất động sản TÔGI
 - 2004 – 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành
 - 2008 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Capitalland - Hoàng Thành
 - 2008 – 2013: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Đô thị Quốc tế
 - 2006 – 2013: Tổng Giám đốc CTCP Trần Hưng Đạo
 - 2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Trần Hưng Đạo
 - 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Hoàng Thành
 - 2010 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :
- Chủ tịch HĐQT CTCP Trần Hưng Đạo
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành
 - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Capitalland – Hoàng Thành
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Hoàng Thành
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Trong đó :
- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Được ủy quyền đại diện : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	06/03/1984
CMND:	:	035084000878, Ngày cấp 26/04/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	:	Việt Nam
Dân tộc:	:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	:	45 Lô 4 - Hồ Atake - Phường Thanh Lương – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Trình độ văn hóa:	:	12/12
Trình độ chuyên môn:	:	Cử nhân Thương mại Quốc tế, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác:	:	
		12/2013 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon
		07/8/2014 – 23/5/2016: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán IB
		08/7/2014 – 24/5/2016: Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Quản lý quỹ IB
		21/04/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Kho vận Miền Nam
		07/2017 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD
		16/07/2016 – nay: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
		6/9/2016 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
		09/2016 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
		11/2016 - nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX
		04/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	:	Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện Chủ tịch Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX Phó Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh S.A.S-CTAMAD
Hành vi vi phạm pháp luật:	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Được ủy quyền đại diện : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết

Tên tổ chức có liên quan	Người có liên quan	Chức vụ tại tổ chức có liên quan đối với tổ chức niêm yết	Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết
Công ty cổ phần Kho vận miền Nam	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	GELEX Phải trả khác: - 30/09/2017: 154.741.613
Công ty cổ phần dây cáp điện điện Việt Nam	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	GELEX Phải thu khách hàng: - 31/12/2016: 81.430.811.033 - 30/09/2017: 182.932.179.282
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng thành viên	GELEX phải thu khách hàng: - 31/12/2016: 48.364.902 GELEX phải thu lợi nhuận được chia: - 30/09/2017: 10.000.000.000 GELEX phải trả người bán: - 31/12/2016: 74.981.795.916 - 30/09/2017: 21.917.579.126
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Công ty	GELEX phải thu cho vay ngắn hạn: - 30/09/2017: 67.300.000.000 GELEX phải thu lãi cho vay: - 30/09/2017: 880.316.667

Ông Võ Anh Linh - Thành viên HĐQT

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/09/1980
CMND	:	013569589, Ngày cấp 19/07/2012, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 24, ngõ 84, Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác	:	
		2004 – 2007: Tư vấn viên cao cấp – Deloitte Việt Nam
		2007 – 2015: Phó trưởng ban đầu tư kinh doanh phụ trách đầu tư trái phiếu và cổ phiếu – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
		2015 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện
		3/2016 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Chức vụ hiện nay	:	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó	:	
+ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện	:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng bưu điện	Chủ tịch	10.066.180	3,77

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Tuấn – như trên

BAN KIỂM SOÁT**Bà Nguyễn Thị Thanh Yến – Trưởng Ban kiểm soát**

Giới tính: : Nữ

Ngày tháng năm sinh: : 08/11/1976

CMND: : 011828444 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/6/2008

Quốc tịch: : Việt Nam

Dân tộc: : Kinh

Địa chỉ thường trú: : Số 102 Tổ 39 Hào Nam – Đống Đa - Hà Nội

Trình độ văn hóa: : 12/12

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - Đại học Thương Mại

Quá trình công tác: :

4/2001 – 4/2009: Kế toán viên – Công ty chế tạo điện cơ Hà Nội

4/2009 – 12/2009: Phó phòng Tài chính – kế toán – Công ty TNHH NN MTV Chế tạo Điện cơ Hà Nội

01/2010 – 8/2010: Trưởng phòng Tổ chức – Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

8/2010 – 5/2015: Phó phòng Tài chính – Kế toán – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

11/2010 – 03/2016: Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

03/2016 – nay: Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

06/2012 – nay: Phó chủ tịch Công đoàn – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

04/2014- 09/2016: Ủy viên HĐQT – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

06/2015 – nay: Kế toán trưởng – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chức vụ hiện nay: : Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: : Kế toán trưởng CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Hành vi vi phạm pháp luật: : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: : Không

Các khoản nợ đối với Công ty: : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 Trong đó: :
 + Sở hữu cá nhân: : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Được ủy quyền đại diện: : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: : Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết:

Tên tổ chức có liên quan	Người có liên quan	Chức vụ tại tổ chức có liên quan đối với tổ chức niêm yết	Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết
Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	Nguyễn Thị Thanh Yến	Kế toán trưởng	GELEX phải thu khách hàng: - 31/12/2016: 485.617 GELEX phải trả người bán: - 31/12/2016: 599.349.549 - 30/09/2017: 400.192.360

Bà Phạm Thị Mỹ Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 13/07/1971
 CMND : 011882591, ngày cấp: 24/02/2014, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Căn hộ B603, Tầng 6, 88 Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán Quốc tế (MIA)/Kế toán viên công chức Úc (CPA Australia)
 Quá trình công tác :
 1994-1997: *Kế toán viên – Công ty liên doanh quốc tế Hồ Tây*
 1998: *Kế toán tổng hợp – Khách sạn Meritus Westlake Hanoi (nay là KS Sofitel Plaza)*

- 1999-2002: *Kế toán trưởng – Khách sạn Melia Hà Nội*
- 2003-2010: *Giám đốc Tài chính – Khách sạn Melia Hà Nội*
- 2009-nay: *Thư ký HĐQT Công ty TNHH SAS – CTAMAD*
- 2011-nay: *Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính – Khách sạn Melia Hà Nội*

- Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 23.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan : Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Cổ đông nội bộ

Bà Phạm Thị Minh Cúc - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/11/1980
- CMND : 012053781, ngày cấp: 4/12/2010, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 12 ngách 12/73 Đào Tấn, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác :

- 07/2002-01/2008: *Kế toán viên – Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội*
- 03/2008-06/2013: *Kế toán Dự án “Tăng cường giám sát ngân sách cho đại biểu dân cử” – UB tài chính ngân sách của Quốc hội*
- 07/2013-06/2015: *Nhân viên, Phó phòng HCNS – Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội*
- 04/2014 - nay: *Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*

07/2015-12/2016:	Trưởng phòng HCNS – Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
01/2017 - nay:	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
02/2017 - nay:	Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ
06/2017 – 09/2017:	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX
09/2017 - nay:	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX
Chức vụ hiện nay :	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Phú Thạnh Mỹ Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX
Hành vi vi phạm pháp luật :	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :	Không
Các khoản nợ đối với Công ty :	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ :	Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan :	Không

Lợi ích có liên quan với tổ chức niêm yết:

Tên tổ chức có liên quan	Người có liên quan	Chức vụ tại tổ chức có liên quan đối với tổ chức niêm yết	Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Phạm Thị Minh Cúc	Kế toán trưởng	GELEX phải thu cho vay ngắn hạn: - 30/09/2017: 67.300.000.000 GELEX phải thu lãi cho vay: - 30/09/2017: 880.316.667
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng Ban Kiểm soát	GELEX Phải thu khách hàng: - 31/12/2016: 297.221.650

Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	Phạm Thị Minh Cục	Trưởng Ban Kiểm soát	GELEX phải thu khách hàng:
			- 31/12/2016: 485.617
			GELEX phải trả người bán:
			- 31/12/2016: 599.349.549
			- 30/09/2017: 400.192.360

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Phạm Tuấn Anh – Kế toán trưởng

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/11/1976
CMND	:	001076013343, ngày cấp: 28/10/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 12 Ngõ 810 Đê La Thành - Ba Đình - Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
		02/1999-03/2005: Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
		04/2005-08/2010: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
		09/2010-10/2010: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
		11/2010-10/2011: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
		11/2011-nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
		03/2016-nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
		12/2014-nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary
Chức vụ hiện nay	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt

Nam – Hungari
 Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 12.880 cổ phiếu, chiếm 0,005% vốn điều lệ

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 12.880 cổ phiếu, chiếm 0,005% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ



Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết

Tên tổ chức có liên quan	Người có liên quan	Chức vụ tại tổ chức có liên quan đối với tổ chức niêm yết	Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết
Công ty cổ phần Thiết bị điện	Phạm Tuấn Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	GELEX Phải thu khách hàng: - 30/09/2017: 23.635.770.414
Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari	Phạm Tuấn Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	GELEX Phải thu cho vay ngắn hạn: - 31/12/2016: 2.000.000.000 GELEX Phải thu lãi vay: - 31/12/2016: 2.288.926.363 - 30/09/2017: 2.438.928.970

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 56: Tình hình tài sản công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2016

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	467.908	114.582	353.326
Nhà cửa, vật kiến trúc	313.315	72.341	240.974
Máy móc, thiết bị	48.813	24.712	24.101
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.997	4.622	5.375
Thiết bị, dụng cụ quản lý	95.783	12.907	82.876
Tài sản cố định vô hình	60	60	0
Phần mềm máy tính	60	60	0

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2016 của GELEX

Bảng 57: Nhà cửa, vật kiến trúc trên BCTC công ty mẹ thời điểm 31/12/2016

Tên tài sản, vật kiến trúc	Vị trí	Hình thức sở hữu	Nguyên giá (tỷ đồng)
Tòa nhà GELEX	52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Thuê dài hạn	205,935
Nhà cửa, vật kiến trúc nhỏ lẻ khác			107,380
Trong đó:			
<i>Khách sạn Bình Minh – Hà Nội</i>	Số 10 Trần Nguyễn Hân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thuê dài hạn	30,358
<i>Khách sạn Bình Minh – TP Hạ Long</i>	Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	Thuê dài hạn	18,563
<i>Tại Tiên Du Bắc Ninh</i>	KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Thuê dài hạn	58,459

Bảng 58: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2016

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	1.911.762	935.882	975.880
Nhà cửa, vật kiến trúc	748.487	277.457	471.030

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Máy móc, thiết bị	929.735	558.290	371.445
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	114.214	66.726	47.487
Thiết bị, dụng cụ quản lý	119.327	33.409	85.918
Tài sản cố định vô hình	58.439	11.279	47.160
Giá trị quyền sử dụng đất	54.116	7.851	46.264
Phần mềm máy tính	4.323	3.427	896

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của GELEX

Bảng 59: Một số Nhà cửa, vật kiến trúc Trên BCTC hợp nhất 31/12/2016

Tên tài sản, vật kiến trúc	Vị trí	Diện tích	Nguyên giá (Triệu đồng)
Tòa nhà GELEX	52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.937 m ²	205.935
Nhà xưởng và văn phòng Trụ sở Thibidi	KCN Biên Hòa, Đồng Nai		74.745
Nhà máy CADIVI Sài Gòn	Quận 6, TP Hồ Chí Minh		73.745
Nhà máy CADIVI Miền Đông	KCN Biên Hòa, Đồng Nai		39.092
Nhà máy CADIVI Miền Trung	KCN Hòa Cẩm, Đà Nẵng		24.500

Bảng 60: Tình hình tài sản công ty mẹ tính đến thời điểm 30/09/2017

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	289.088	110.875	178.213
Nhà cửa, vật kiến trúc	196.415	71.693	124.721
Máy móc, thiết bị	37.975	24.812	13.163
Phương tiện vận tải	12.293	5.437	6.857
Thiết bị, dụng cụ quản lý	42.405	8.933	33.472
Tài sản cố định vô hình	60	60	-
Phần mềm máy tính	60	60	-

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Bất động sản đầu tư	183.722	18.821	164.901
Nhà cửa, vật kiến trúc	117.400	6.049	111.352
Máy móc, thiết bị	66.322	12.772	53.550

Nguồn: BCTC riêng Quý 3/2017 của GELEX

Bảng 61: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 30/09/2017

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	4.818.416	2.108.676	2.709.740
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.067.140	591.668	1.475.472
Máy móc, thiết bị	1.822.580	902.180	920.400
Phương tiện vận tải	857.103	586.285	270.818
Thiết bị, dụng cụ quản lý	71.593	28.543	43.051
Tài sản cố định vô hình	157.461	16.227	141.234
Giá trị quyền sử dụng đất	145.603	9.623	135.980
Phần mềm máy tính	11.858	6.604	5.254
Bất động sản đầu tư	156.386	18.151	138.235
Nhà cửa, vật kiến trúc	100.774	7.445	93.329
Máy móc, thiết bị	55.612	10.707	44.906

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3/2017 của GELEX

14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017- 2018

Bảng 62: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017 – 2018 công ty mẹ

Chỉ tiêu	2016	Năm 2017		Năm 2018	
	Tỷ VND	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	1.289	2.160	67,57%	3.228	49,44%
Lợi nhuận sau thuế	306	359	17,32%	368	2,51%
Vốn chủ sở hữu	2.088	3.600	72,41%	5.219	44,98%

Chỉ tiêu	2016	Năm 2017		Năm 2018	
	Tỷ VND	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2017
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,74%	16,62%		11,40%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (**)	14,66%	9,97%		7,05%	
Cổ tức/ vốn điều lệ	25%	20%		20%	

Ghi chú: Năm 2018, GELEX dự kiến thực hiện chuyển đổi 80% chứng quyền tương ứng với giá trị 1.252 tỷ

Bảng 63: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017 – 2018 hợp nhất

Chỉ tiêu	2016	Năm 2017		Năm 2017		Năm 2018	
	Tỷ VND	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2016	Ước thực hiện (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với kết quả ước thực hiện năm 2017
Doanh thu thuần	7.297	10.900	49%	13.000	78%	14.430	11%
Lợi nhuận sau thuế	580	1.050	81%	1.200	107%	1.344	12%
Vốn chủ sở hữu	3.277	4.009	25%	6.384	95%	8.980	41%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,90%	9,60%	21%	9,20%		9,30%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (**)	17,70%	26,19%	48%	18,80%		14,97%	
Cổ tức/ vốn điều lệ	25%	20%		20%		20%	

Nguồn: GELEX

Ghi chú: - Vốn chủ sở hữu ước thực hiện năm 2017 tăng cao là do ngoài lợi nhuận sau thuế tăng thêm của năm 2017, GELEX tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ 1.550 tỷ lên 2.320 tỷ với giá phát hành là 18.000đ/cổ phần và Hợp nhất thêm một số công ty con là: Sotrans, VINAKIP, VIHEM

- Năm 2018, GELEX dự kiến thực hiện chuyển đổi 80% chứng quyền tương ứng với giá trị 1.252 tỷ

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2017, năm 2018 trên đây được Tổng Công ty lập trên cơ sở hợp nhất kết quả kinh doanh với các công ty con. Kế hoạch năm 2018 chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản của cơ quan Tổng Công ty tại Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2017.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2017 và 2018

Kế hoạch kinh doanh năm 2018 được Tổng Công ty xây dựng dựa trên cơ sở ước thực hiện thực tế của Tổng Công ty năm 2017. Ước thực hiện năm 2017, Công ty sẽ đạt 13.000 tỷ đồng doanh thu, và lợi nhuận sau thuế đạt 1.200 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, kế hoạch năm 2018 được xây dựng dựa trên tốc độ tăng trưởng doanh thu 11%, và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế là 12%, trong đó động lực chủ yếu tới từ các công ty con là Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam và Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Các tốc độ tăng trưởng trên được dự báo dựa trên các cơ sở sau:

- Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Cadivi") sẽ đẩy mạnh thị trường dây dân dụng ra phía Bắc thông qua Công ty con là Cadivi miền Bắc.
- Trước đây Cadivi chủ yếu tập trung vào các dòng sản phẩm dân dụng, tuy nhiên từ năm 2018 Cadivi sẽ đẩy mạnh vào thị trường cáp điện trung thế bán cho ngành điện lực.
- Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện dự kiến sẽ đầu tư nhà máy mới tại Khu công nghiệp Long Đức, Long Thành, Đồng Nai để mở rộng quy mô.
- Doanh thu và lợi nhuận từ mảng mới được Gelex đầu tư như năng lượng và bất động sản.

Lĩnh vực công nghiệp

- GELEX sẽ cấu trúc một đơn vị đầu mối trong lĩnh vực thiết bị điện, sở hữu tất cả các khoản đầu tư tại các công ty sản xuất thiết bị điện hiện tại để phát huy hơn nữa thế mạnh cộng lực giữa các doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác bán hàng, đầu tư chiều sâu và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Tập trung xây dựng các thương hiệu chủ lực trong các lĩnh vực gồm: CADIVI trong lĩnh vực dây cáp điện, khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng; THIBIDI trong lĩnh vực máy biến áp; GELEX-EMIC định hướng trở thành công ty công nghệ cao với các sản phẩm điện tử thông minh; HEM trong lĩnh vực động cơ điện và các dịch vụ liên quan đến động cơ điện.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để nhận chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm hướng tới tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- rà soát, sắp xếp lại hệ thống bán hàng hiện tại của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, hướng tới phát triển hệ thống đại lý bán hàng mạnh cho toàn bộ Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Việc bán hàng qua đại lý sẽ là nòng cốt và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong việc tiêu thụ sản phẩm của toàn bộ Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Phát triển hệ thống đại lý bán hàng phân phối tổng thể toàn bộ các sản phẩm của hệ thống GELEX, khắc phục tình trạng phân tán như hiện nay.
- Mở rộng thị trường, tăng cường phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực.
- Tìm kiếm, thực hiện đầu tư chiến lược dài hạn vào các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực kinh doanh để từ đó tăng quy mô, tăng thị phần của doanh nghiệp.

Lĩnh vực hạ tầng:

- Đầu tư vào lĩnh vực nguồn phát điện theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua, tập trung vào thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời.
- Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, cùng với điện năng, đây là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

Lĩnh vực logistics:

- Phát triển SOTRANS thành doanh nghiệp với chuỗi logistics khép kín, đủ các dịch vụ như dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải, lưu kho, lưu bãi, cảng biển, cảng hàng không...
- Đầu tư trọng điểm để hình thành hệ thống tài sản kho bãi, cầu cảng, ICD tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đặc biệt là 2 vùng sản xuất lớn là khu vực Hà Nội – Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh – Bà Rịa - Vũng Tàu. Đối với lĩnh vực vận tải, tập trung vào vận tải đường thủy, phát triển đội xe lan mạnh.
- Hướng tới mục tiêu lọt vào top 3 doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam

Lĩnh vực bất động sản:

- Tập trung khai thác các vị trí bất động sản thuận lợi có sẵn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Tập trung phát triển mảng sản phẩm khách sạn và văn phòng cho thuê.

Lĩnh vực đầu tư

- Đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong 4 lĩnh vực kinh doanh trọng điểm nêu trên của Tổng Công ty, tập trung vào đầu tư chiều sâu, hướng tới các công nghệ, sản phẩm sạch, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Đối với công tác tài chính:

- GELEX sẽ tiếp tục tìm kiếm và đẩy mạnh các hoạt động tài chính nhằm tối ưu hóa các nguồn lực của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, tiến tới quản lý dòng tiền tập trung nhằm tận dụng nguồn lực, tạo ra hiệu quả sử dụng dòng vốn ở mức cao nhất, tiết giảm chi phí tài chính tối đa.
- Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam đóng vai trò là đơn vị dẫn dắt, hỗ trợ các công ty thành viên trong việc thu xếp, điều phối nguồn vốn để đảm bảo các công ty thành viên có đủ vốn để hoạt động với chi phí thấp và đảm bảo dòng tiền của toàn hệ thống được cân bằng, an toàn, hiệu quả.
- Hỗ trợ Đơn vị thành viên trong hệ thống GELEX giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm bằng cách triển khai kế hoạch mua sắm tập trung vật tư nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh các Đơn vị thành viên, mua sắm lô lớn để có giá mua và điều kiện thương mại tốt nhất.
- Tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài phù hợp với chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty.

Đối với công tác quản trị:

- Hoàn thiện mô hình quản trị của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo hướng chuẩn mực, minh bạch, đúng pháp luật, phù hợp với mô hình quản trị mới.
- Áp dụng công nghệ quản trị tiên tiến, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong mọi mặt quản lý điều hành của GELEX và các Đơn vị thành viên. Cải cách toàn diện cách thức giao dịch nội bộ trên cơ sở tăng cường tính kết nối - chia sẻ thông tin - nhanh - hiệu quả - không rào cản - đúng pháp luật.

Đối với công tác nhân sự:

- Hoàn thiện công tác tổ chức, nhân sự tại Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Hoàn thiện cơ chế lương và các chính sách đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp minh bạch, văn minh để gắn bó cũng như thu hút người lao động đặc biệt là lao động có trình độ cao tới làm việc cho GELEX, đáp ứng yêu cầu của quá trình mở rộng và phát triển của Tổng Công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho người lao động. Phát triển, bồi dưỡng người lao động trong toàn hệ thống để hình thành nguồn lực nhân sự nội bộ ổn định, bền vững của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

Đối với công tác phát triển thương hiệu:

- Tập trung nguồn lực phát triển thương hiệu GELEX của Tổng công ty trở thành thương hiệu mạnh quốc gia ngang tầm quốc tế.
- Xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu mạnh cho mỗi nhóm sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty theo hướng chọn lọc, phát triển có trọng tâm, không dàn trải.
- Xây dựng một kế hoạch truyền thông, phát triển thương hiệu thống nhất trong toàn Tổng Công ty nhằm tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí và tăng tính thống nhất trong xây dựng hình ảnh và phát triển thương hiệu.

Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2017

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2017/GELEX/NQ- HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty thực hiện mua thêm cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 (Vinakip) để nâng tỷ lệ sở hữu lên 72,15%.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 34/2017/GELEX/NQ- HĐQT ngày 2/8/2017 và 43/2017/GELEX/NQ- HĐQT ngày 30/11/2017, Tổng Công ty hỗ trợ Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX vay tổng cộng 405 tỷ để đầu tư dự án.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Năm 2017 Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.550 tỷ đồng lên 2.668 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa có kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ hay ra công chúng để tăng vốn điều lệ trong năm 2018. Đối với đợt phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền đợt 1 năm 2018 của Trái phiếu kèm chứng quyền phát hành năm 2016, trong năm 2018 Hội đồng quản trị Công ty sẽ căn cứ trên tình hình thực tế để quy định về số lượng chứng quyền thực hiện trong đợt này nhưng tối đa không quá 80% số lượng chứng quyền.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho SSI và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam phụ thuộc vào tình hình thị trường của các mảng hoạt động kinh doanh. So với kết quả đạt được năm 2016, kế hoạch kinh doanh năm 2017 là thách thức lớn với Ban lãnh đạo Công ty khi mục tiêu doanh thu tăng gần 50%, và lợi nhuận sau thuế tăng 81%. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận Công ty đưa ra chỉ có thể thực hiện được nếu các dự đoán và nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về mọi mặt, bao gồm nhưng không giới hạn trong phần thị

trường, về tình hình đầu tư là sát với thực tế và không có những biến động lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

a/ Trái phiếu kèm chứng quyền

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ – ĐHĐCĐ ngày 1/8/2016, ĐHĐCĐ đã phê duyệt Phương án phát hành 2.000 tỷ trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư.

Thực hiện nghị quyết này GEX đã báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước về đợt phát hành trái phiếu kèm chứng quyền này và đã nhận được công văn số 7631/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán nhà nước ngày 21/11/2016 thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ về đợt Phát hành Trái phiếu riêng lẻ kèm Chứng quyền. GEX đã ban hành nghị quyết Hội đồng quản trị số 44/2016/GELEX/NQ-HĐQT và nghị quyết số 46 -1/TBĐVN/NQ-HĐQT để thực hiện phát hành 1.800 tỷ trái phiếu kèm 1.800 chứng quyền.

Cam kết về chứng quyền chưa thực hiện cụ thể như sau:

- **Đợt 1:** Không muộn hơn ngày 30/06/2018, thực hiện tối đa 80% tổng số Chứng quyền đang lưu hành, thời điểm và tỷ lệ cụ thể do Hội đồng quản trị của Tổ chức phát hành quyết định
- **Đợt 2:** Không muộn hơn ngày 30/06/2019, thực hiện số chứng quyền còn lại sau đợt 1, thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị của Tổ chức phát hành quyết định
- **Giá mua cổ phần:** Số lượng cổ phần phát hành kèm theo mỗi chứng quyền là 50.000 cổ phần với giá mua cổ phần được áp dụng cho mỗi Chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phần tại thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền. Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng, và trong mọi trường hợp không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

Cam kết mua lại Trái phiếu:

Thời điểm mua lại	Giá trị mua lại
Ngày tròn 12 tháng sau ngày Phát hành	Tối thiểu 20% tổng mệnh giá Trái phiếu đã phát hành
Ngày tròn 24 tháng sau Ngày Phát Hành	Tối thiểu 20% tổng mệnh giá Trái phiếu đã phát hành
Ngày Đáo hạn	Toàn bộ dư nợ Trái Phiếu tại Ngày Đáo hạn

Chi tiết về các điều khoản của đợt phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng các quy định của pháp luật.

b/ Trái phiếu riêng lẻ

Theo Nghị quyết HĐQT số 42/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 10/11/2017, GEX sẽ thực hiện phát hành 500 tỷ trái phiếu không chuyển đổi có Tài sản đảm bảo trước ngày 31/12/2017. Điều khoản trái phiếu và thông tin về việc thực hiện Trái phiếu sẽ được Công ty công bố theo đúng các quy định của Pháp luật.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá chứng khoán

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

266.800.000 cổ phiếu (Bảng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và quy chế niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Bảng 64: Danh sách hạn chế chuyển nhượng 06 tháng và 01 năm kể ngày niêm yết

STT	Họ và tên	Chức vụ	SCLP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Hội đồng Quản trị				
1.	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	-	-
2.	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT HĐQT	53.475	26.738
3.	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
4.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	-	-
5.	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	-	-
Ban Kiểm soát				
1.	Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng BKS	-	-
2.	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	23.000	11.500
3.	Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	-	-
Ban Tổng Giám đốc				

STT	Họ và tên	Chức vụ	SCLP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
1.	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	-	-
Kế toán trưởng				
1.	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	12.880	6.440
Tổng cộng			89.355	44.678

Bảng 65: Hạn chế chuyển nhượng khác

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam	7.120.101	Hạn chế chuyển nhượng đến ngày 20/01/2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17/01/2018

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được căn cứ trên Phương pháp Giá trị sổ sách, Phương pháp hệ số so sánh (P/E), và trung bình giá tham chiếu 20 phiên trước ngày xác định giá tham chiếu để thực hiện niêm yết cổ phiếu trên HSX.

Cụ thể:

a. Phương pháp giá trị sổ sách

Bảng 66: Giá trị sổ sách của GEX

		31/12/2016	30/06/2017	30/09/2017
Vốn chủ sở hữu của GELEX (triệu đồng)	(1)	3.272.769	5.977.838	6.225.485
Lợi ích của cổ đông thiểu số (triệu đồng)	(2)	698.136	1.925.547	2.000.647
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	(3)	154.500.000	232.000.000	266.800.000
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(4) = [(1) - (2)] / (3)	16.664	17.467	15.835

b. Phương pháp hệ số so sánh (P/E)

Do trong quá trình tái cấu trúc, Gelex đã chuyển đổi, hoạt động theo mô hình công ty holding, do đó, các công ty tương tự GELEX được lựa chọn là: Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG), Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (REE), Công ty cổ phần GEMADEPT (GMD).

Bảng 67: Phương pháp định giá P/E

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã CP	Vốn điều lệ Tại 30/09/2017	Doanh thu thuần 4 quý gần nhất	Lợi nhuận sau thuế 4 quý gần nhất	Lợi nhuận thuộc về cổ đồng công ty mẹ	EPS 4 quý gần nhất	Giá giao dịch ngày 26/12/2017 (VND)	P/E
REE	3.101	4.630	1.752	1.657	5.343	41.600	7.8
VCG	4.417	9.879	792	634	1.435	20.800	14.5
GMD	2.882	3.889	483	410	1.422	40.250	28.3
	Trung bình						16.8
GEX	2.668	10.498	1.100	632	2.369	39.929	

Tính theo Phương pháp P/E, giá cổ phiếu GEX là:

$$P = \text{EPS 4 quý gần nhất} \times \text{PE bình quân các công ty tham chiếu} = 2.369 \times 16,8 = 39.929 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

c. Phương pháp trung bình giá thị trường

Hội đồng quản trị sẽ lấy trung bình giá tham chiếu trong 20 phiên gần nhất tính đến thời điểm xác định giá niêm yết để thực hiện niêm yết cổ phiếu GEX trên sàn HSX để làm giá tham khảo tại ngày niêm yết đầu tiên tại HSX.

Hội đồng quản trị GEX lựa chọn Phương án giá thị trường làm cơ sở xác định giá tham chiếu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp giá thị trường được xác định bằng bình quân giá tham chiếu 20 phiên gần nhất tính đến thời điểm xác định giá tham chiếu – tính từ ngày 29/11/2017 đến 26/12/2017. Giá thị trường bình quân giá 20 phiên gần nhất tính đến thời điểm xác định giá tham chiếu tính từ ngày 29/11/2017 đến 26/12/2017 là: 24.455 đồng/cổ phiếu, làm tròn là **24.500 đồng/cổ phiếu**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đối với người nước ngoài là 49% vốn điều lệ của Tổng Công ty do Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Tỷ lệ nắm giữ này tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/NĐ-CP/2015 ban hành ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Đối với Tổng Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%, không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ phần thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là: 10%

c. Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu

Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của: Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013, Thông tư số 17/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014, Thông tư số 30/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014, Thông tư số 111/2014/TT-BTC ngày 18/8/2014, Thông tư số 122/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014, Thông tư số 131/2014/TT-BTC ngày 10/9/2014, Thông tư số 139/2014/TT-BTC ngày 23/9/2014, Thông tư số 173/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014, Thông tư số 186/2014/TT-BTC ngày 08/12/2014, Thông tư số 36/2015/TT-BTC ngày 23/3/2015, Thông tư số 63/2015/TT-BTC ngày 06/5/2015, Thông tư số 78/2015/TT-BTC ngày 20/5/2015, Thông tư số 101/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015, Thông tư số 131/2015/TT-BTC ngày 27/8/2015, Thông tư số 141/2015/TT-BTC ngày 04/9/2015, Thông tư số 163/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015, Thông tư số 164/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 và các quy định khác của Bộ Tài chính về thuế XK, NK ưu đãi trái với quy định tại Thông tư số 182/2015/TT-BTC, để có được biểu mẫu thuế chung nhất.

d. Thuế Thu nhập cá nhân

Tổng Công ty chịu trách nhiệm trích các khoản thu nhập cá nhân của nhân viên và nhà đầu tư (trong trường hợp trả cổ tức) tại nguồn theo các quy định về Thuế thu nhập cá nhân cụ thể tại mục 7.2.

e. Thuế Nhà đất

Thuế Nhà đất áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Pháp lệnh thuế nhà đất ngày 29-6-1991 theo lệnh công bố số 54 LCT/HĐNN 8 ngày 1-7-1991 của Hội đồng

Nhà nước và Nghị định số 270 - HĐBT ngày 14 tháng 9 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế nhà đất, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.

f. Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên áp dụng đối với hoạt động sản xuất thủy điện của Công ty con. Thuế tài nguyên chịu sự điều chỉnh của Luật Thuế Tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009; Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên; Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Thông tư 152/2015/TT-BTC về hướng dẫn thi hành luật thuế Tài nguyên.

g. Thuế khác

Khoản thuế khác mà Tổng Công ty phải nộp là thuế môn bài.

7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014; và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/6/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 của Nghị định 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ phần): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn****Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)**

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3936 6321

Fax: (84-24) 3936 6311

Website: www.ssi.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 1990

Fax: (84-24) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn/

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3831 500

Fax: (84-24) 3831 5090

Website: www.ey.com.vn

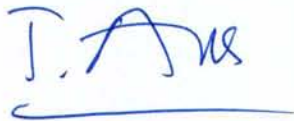
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

TT	Tài liệu
I.	Các quy định chung
1	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
II.	Các văn bản liên quan đến ngành
1	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 11/12/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư
2	Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản
III.	Các văn bản thuế
1	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
2	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
3	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
4	Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015
5	Thuế Xuất nhập khẩu Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013, Thông tư số 17/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014, Thông tư số 30/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014, Thông tư số 111/2014/TT-BTC ngày 18/8/2014, Thông tư số 122/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014, Thông tư số 131/2014/TT-BTC ngày 10/9/2014, Thông tư số 139/2014/TT-BTC ngày 23/9/2014, Thông tư số 173/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014, Thông tư số 186/2014/TT-BTC ngày 08/12/2014, Thông tư số 36/2015/TT-BTC ngày 23/3/2015, Thông tư số 63/2015/TT-BTC ngày 06/5/2015, Thông tư số 78/2015/TT-BTC ngày 20/5/2015, Thông tư số 101/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015, Thông tư số 131/2015/TT-BTC ngày 27/8/2015, Thông tư số 141/2015/TT-BTC ngày 04/9/2015, Thông tư số 163/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015
6	Pháp lệnh thuế nhà đất ngày 29-6-1991 theo lệnh công bố số 54 LCT/HĐNN 8 ngày 1-7-1991 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 270 - HĐBT ngày 14 tháng 9 năm 1991
7	Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12
8	Luật Thuế Tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009; Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên; Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Thông tư 152/2015/TT-BTC về hướng dẫn thi hành luật thuế Tài nguyên
IV.	Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11

	Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/ND-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
3	Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
4	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán



Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN HOA CƯỜNG**
KẾ TOÁN TRƯỞNG**NGUYỄN VĂN TUẤN**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**PHẠM TUẤN ANH****NGUYỄN THỊ THANH YÊN****ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN****GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ PHÍA BẮC****NGUYỄN NGỌC ANH**

VIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và năm 2016, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2017, Báo cáo tài chính Quý III năm 2017